

THÔNG TIN  
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN



Số 15  
2023



Chịu trách nhiệm xuất bản:  
TS. TRƯỜNG TIẾN HƯNG

Chỉ đạo nội dung  
TS. TRƯỜNG TIẾN HƯNG

Ban biên tập  
ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN  
ThS. LÊ NAM LỮ  
ThS. MAI VĂN TRỤ  
PHAN THỊ THANH KIỀU

Trình bày kỹ thuật  
VŨ VĂN VÂN  
THÁI LÊ MINH TRANG

Lưu hành nội bộ

Địa chỉ  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ  
TỈNH NINH THUẬN  
168, ĐƯỜNG 21/8, PHƯỚC MỸ  
- TP PHAN RANG-THÁP CHÀM  
ĐT : (0259) 3831076

Website:  
<https://truongchinhtri.ninhthuan.gov.vn>

Ảnh bìa 1:  
Quang cảnh Hội thảo khoa học  
cấp tỉnh

Mục Lục

HỌC TẬP TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH  
HỒ CHÍ MINH

- ❖ ThS. LÊ THỊ THU HIỀN - Không thể tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng vào Việt Nam.....
- ❖ VŨ VĂN VÂN - Một vài suy nghĩ về Giáo dục toàn diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh. ....
- ❖ ThS. BUI THỊ HƯƠNG - Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau” - bài học đối với mỗi giảng viên Trường chính trị Ninh Thuận hôm nay. ....
- ❖ ThS. TRẦN THU HƯƠNG - Vận dụng quan điểm “Lý luận gắn với thực tiễn” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giảng dạy chương trình Trung cấp Lý luận chính trị hiện nay .....
- ❖ TRẦN THỊ HUỖN TRANG - Vận dụng tác phẩm “Đạo đức cách mạng” vào xây dựng đạo đức cho đội ngũ Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.....

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG,  
ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM  
SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

- ❖ ThS. PHẠM HƯNG LONG - Một số vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao trách nhiệm của giới trẻ trong nhận diện đấu tranh những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng trong tình hình mới.....

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN - Một số nội dung cốt lõi trong cuốn sách “kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư.....
- ❖ TRẦN THỊ THU HƯƠNG - Vận dụng nội dung mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam vào lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay .....
- ❖ NGUYỄN THỊ NGÀ - Một số giải pháp nâng cao chất lượng việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực của đội ngũ giảng viên trẻ Trường Chính trị Ninh Thuận.....
- ❖ NGUYỄN THỊ LÀNH - Chuyển đổi số - xu hướng tất yếu của Việt Nam.....
- ❖ THÁI LÊ MINH TRANG - Phát huy vai trò của Đoàn viên chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trong chuyển đổi số.....
- ❖ NGUYỄN THÀNH LĨNH - Vài suy nghĩ về việc hoàn thiện quy định về chứng thực trong nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính Phủ.....
- ❖ VŨ THỊ KIM LOAN - Một số vấn đề về phát triển Du lịch cộng đồng ở tỉnh Ninh Thuận hiện nay.....

THÔNG TIN - SỰ KIỆN

- ❖ TRỊNH THỊ BÍCH NGÂN - Một số điểm mới trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022 -2027.....
- ❖ PHAN THỊ THANH KIỀU - Thông tin Trường Chính trị Ninh Thuận về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng và hoạt động khoa học năm 2023 .....

Giấy phép xuất bản số:

do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận cấp ngày  
In tại Công ty Cổ phần In Ninh Thuận, số lượng 110 cuốn, khổ 20x29cm  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2023.

## KHÔNG THỂ TÁCH RỜI TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ VẬN DỤNG VÀO VIỆT NAM

❖ ThS. Lê Thị Thu Hiền  
[Trưởng khoa Lý luận cơ sở]

**Tóm tắt:** Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Đó là sản phẩm của quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn hóa chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện của một nước thuộc địa nửa phong kiến. Những nội dung bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trên cơ sở “dân tộc học phương Đông” và thực tiễn phong phú cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã giải quyết được những vấn đề cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc mà còn tiếp tục soi đường cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ nghĩa Mác-Lênin; ý nghĩa.

Cách đây đúng 103 năm, cuộc gặp gỡ của Nguyễn Ái Quốc với chủ nghĩa Mác-Lênin đã đánh dấu việc giác ngộ lập trường, quan điểm vô sản và Nguyễn Ái Quốc đã quyết định lựa chọn con đường giải phóng dân tộc Việt Nam theo quỹ đạo cách mạng vô sản, bởi “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>(1)</sup>. Và như vậy, với sự kiện này đã đánh dấu thời kỳ cách mạng Việt Nam thoát khỏi khủng

hoảng, mở ra con đường giành lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho Nhân dân.

Trong Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã khẳng định: “Hồ Chủ tịch là người Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”<sup>(2)</sup>. Đây là một luận điểm rất quan trọng, vạch ra đường hướng rõ ràng trong quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là nghiên cứu những “sáng tạo” của Người trong quá trình vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên cơ sở “dân tộc học phương Đông” nói chung và thực tiễn cách mạng Việt Nam nói riêng.

Những phẩm chất và trí tuệ của một nhân cách giàu lòng yêu nước, có hoài bão cứu nước, nhân ái, thương người, một vốn kiến thức uyên thâm về văn hóa phương Đông và những kiến thức bước đầu về văn hóa phương Tây, v.v., được hình thành ngay từ thời kỳ thơ ấu, được rèn luyện trong đời sống học tập,

(1) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 12, tr.30.

(2) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử* (Xuất bản lần thứ ba, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.369.

lao động và đấu tranh là hành trang tư tưởng mà Nguyễn Tất Thành đã mang theo khi ra đi tìm đường cứu nước. Trên chặng đường đầu của thời kỳ tìm đường cứu nước Nguyễn Tất Thành đã khảo sát thực tiễn cách mạng ở Anh, Pháp và các nước trên con đường Tây du của mình. Cuối cùng để đến một bước ngoặt khi Nguyễn Tất Thành đến với chủ nghĩa V.I.Lênin, đến với chủ nghĩa đã đưa ra nhiều lời giải đáp cho những câu hỏi đang nung nấu, tìm tòi. Tin theo Chủ nghĩa Lênin, tin theo con đường cách mạng vô sản, sau 10 năm tìm tòi, khảo nghiệm, Nguyễn Tất Thành đã thực hiện một quá trình “chuyển hóa” từ người “Ái Quốc” thành người “cộng sản”, kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Đến với V.I.Lênin, Người tin theo và nghiên cứu Chủ nghĩa Mác kết hợp với nghiên cứu thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bằng những trải nghiệm thực tiễn Người đã tìm ra con đường, biện pháp thực hiện cách mạng ở Việt Nam. Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chính Người đã góp phần bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin. Hay ở một khía cạnh khác có thể nói Người đã “Việt Nam hóa Chủ nghĩa Mác-Lênin” trong chính quá trình vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, mở đường và dẫn đường cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi sự thống trị của chủ

nghĩa thực dân, xây dựng một đất nước giàu mạnh, tươi đẹp.

Quá trình vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên cơ sở “dân tộc học phương Đông” và thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh:

*Vấn đề thứ nhất*, xác định nhiệm vụ, đối tượng, lực lượng của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Đây là nội dung làm cho con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vượt các con đường khác về chất, đã khắc phục được những khủng hoảng mà con đường cách mạng Việt Nam đang gặp phải. Và, cũng là vấn đề mà chính các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng chưa có cơ sở xã hội học để nghiên cứu.

Ở các nước thuộc địa nửa phong kiến thì nhiệm vụ “giải phóng dân tộc” được đặt lên hàng đầu, tức là phải đánh đổ chủ nghĩa đế quốc thực dân, bởi dân tộc không thể thoát khỏi kiếp ngựa trâu nô lệ thì ngàn năm quyền lợi giai cấp cũng không thể đòi được. Khi nhiệm vụ giải phóng dân tộc hoàn thành thì phải xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (đánh đổ chế độ phong kiến), từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những nhiệm vụ cách mạng đó cũng đã chỉ rõ đối tượng của cách mạng ở các nước thuộc địa nói chung là “chủ nghĩa thực dân”, ở các nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam là “thực dân, phong kiến”.

Về lực lượng cách mạng, Nguyễn Ái Quốc rất sáng tạo trong việc phân định rõ thang bậc giai cấp, tầng lớp xã hội trên cơ sở lợi ích và thái độ chính trị trong cuộc cách mạng xã hội. Từ thực tiễn Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã hình thành quan điểm giai cấp đúng đắn: không giai cấp nào nằm ngoài dân tộc, giữa giai cấp và dân tộc có mối quan hệ biện chứng sâu sắc. Chính luận điểm sáng tạo này đã tạo lập cơ sở vững chắc trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung được mọi lực lượng tạo ra sức mạnh vô địch chiến thắng mọi kẻ thù của dân tộc.

*Vấn đề thứ hai*, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng thuộc địa gắn với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Những tư tưởng này được người khái quát bằng những hình ảnh rất sinh động “con đũa hai vôi”, “con chim hai cánh”. Người là chiến sĩ cộng sản tiên phong đưa ra một “Bản án” đối với chủ nghĩa thực dân và cũng chính Người đã lãnh đạo dân tộc mình thi hành “Bản án” đó. Những luận điểm của Người về chủ nghĩa thực dân đã có tác dụng thức tỉnh các dân tộc thuộc địa, thức tỉnh các Đảng Cộng sản trên toàn thế giới cùng đoàn kết để lãnh đạo dân tộc mình đứng lên thi hành bản án chôn vùi chủ nghĩa thực dân. Tức là cùng nhau “đồng thời cắt đứt cả hai vôi” của con đũa thực dân. Cũng chính vì Người đã hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, hiểu rõ sức mạnh của “chủ nghĩa

dân tộc chân chính” nên chính người là cộng sản đầu tiên gắn “chủ nghĩa dân tộc chân chính” với “chủ nghĩa quốc tế vô sản”, gắn cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới. Từ đó, người đưa ra những luận giải và tổ chức thực tiễn giải quyết một cách hài hòa mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

*Vấn đề thứ ba*, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về đảng cách mạng của giai cấp công nhân thành “đảng của giai cấp và của cả dân tộc”. Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng ta: “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”<sup>(3)</sup>.

Sự phát triển này trước hết thể hiện trong nhân tố phong trào yêu nước - một nhân tố quan trọng cấu thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính phong trào yêu nước là nền tảng để từ đó các phong trào cách mạng phát triển, sau này nó đồng hành cùng phong trào công nhân, phối hợp với phong trào công nhân và từng bước chịu ảnh hưởng lập trường của phong trào công nhân, khi đó “chủ nghĩa dân tộc” biến thành “chủ nghĩa quốc tế”.

Thực tiễn đã chỉ rõ quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, mặc dầu về bản chất vẫn quán triệt đầy đủ

---

(3) Đào Phan (1998): *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.41.

những nguyên lý cơ bản, phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng đã được Nguyễn Ái Quốc sáng tạo để phù hợp với truyền thống lịch sử và thực tiễn vận động của xã hội, giai cấp ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước dưới tác động trực tiếp của tư tưởng, đường lối cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Sự hình thành và phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam là đóng góp lớn lao của Nguyễn Ái Quốc, đó không chỉ là sự vận dụng sáng tạo mà còn là quá trình bổ sung, phát triển, “Việt Nam hóa học thuyết Mác-Lênin về đảng cầm quyền”. Đảng cầm quyền, đảng của dân tộc là một sự phát triển đặc sắc của Hồ Chí Minh trong xây dựng đảng kiểu mới trong điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông dân chiếm đa số dân cư.

*Vấn đề thứ tư*, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế kém phát triển, mang màu sắc văn hóa phương Đông. Người đã nêu ra một mô hình chủ nghĩa xã hội với những đặc trưng cơ bản “rất Việt Nam”, đó là: “dân giàu, nước mạnh”, “mọi người đều được áo ấm, cơm no, nhà ở tử tế, được học hành”, “tất cả các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng”, đó là một xã hội “ngày càng nâng cao đời sống vật chất và văn

hóa của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”, v.v.. Có thể thấy, một mô hình về một xã hội cao đẹp được diễn tả vừa giản đơn, bình dị, vừa phù hợp với yêu cầu nguyện vọng của Nhân dân Việt Nam, nó thấm sâu vào lòng người, tạo thành động lực thúc đẩy mọi người hướng đến một cách sâu đậm. Sự sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết hợp một cách biện chứng hài hòa giữa xác định đường lối cách mạng với sự sáng tạo phương pháp cách mạng trong từng điều kiện lịch sử cụ thể; sự hài hòa trong việc xác định chiến lược và chỉ đạo chiến lược, giữa thực hiện chiến lược và vận dụng sách lược; sự thống nhất biện chứng giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt. Toàn bộ những sự sáng tạo đó là đều nhằm đến một mục tiêu cao nhất là “độc lập cho dân tộc”, “ấm no, tự do, hạnh phúc” cho nhân dân Việt Nam, góp phần đem đến “tự do, bình đẳng, bác ái” thực sự cho mọi dân tộc trên toàn thế giới.

Để tiếp tục thực hiện tốt, vận dụng sáng tạo linh hoạt chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay thủ đoạn chống phá Việt Nam trên lĩnh vực tư tưởng của các thế lực thù địch ngày càng xảo quyệt và nguy hiểm. Những quan điểm sai trái mà các thế lực thù địch đã tung ra đều có chung bản chất và mục đích, nhưng hình thức thể hiện ngày càng thay đổi đa dạng, phức tạp, tinh vi, vậy trong giai đoạn cách mạng hiện nay, một vấn đề mang tính bao trùm là chúng ta cần phải luôn

kiên định vững chắc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam trong đặc điểm mới của thời đại. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Thứ hai, cần phải xác định rõ đối tượng, đối tác trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiệm vụ, đối tượng, lực lượng của cách mạng Việt Nam một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp thực tế.

Thứ ba, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam phải gắn liền với cách mạng thế giới trong thực hiện đoàn kết quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ tư, đẩy mạnh những nội dung của công tác xây dựng Đảng “của dân tộc Việt Nam” trong tình hình mới (xây dựng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và văn hóa), vận dụng và thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, khóa XIII.

Thứ năm, tiếp tục làm rõ những vấn đề quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, như: Vấn đề quá độ lên chủ nghĩa “bỏ qua” chế độ tư bản chủ

nghĩa; Những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa; Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội; Những mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta đã khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh là bước phát triển mới của chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, dẫn dắt dân tộc Việt Nam “đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”, trong thời gian tiếp theo tiếp tục có ý nghĩa chỉ đạo, quyết định sự phát triển của Đảng ta, Nhà nước ta, xã hội ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh không hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa Mác-Lênin, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh còn có sự “tổng hòa”, kết hợp giữa tinh hoa văn hóa truyền thống Việt Nam, tinh hoa văn hóa nhân loại trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đặc biệt tư tưởng Hồ Chí Minh hướng đến mục tiêu trước hết, cũng là mục tiêu xuyên suốt là “giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người” trên nền tảng thực tiễn Việt Nam mang sắc thái văn hóa phương Đông. Nên có thể khẳng định thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh cũng là quá trình Người đã “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác-Lênin”. Chính điều này đặt ra cho những nhà nghiên cứu lý luận, hoạt động thực tiễn của Việt Nam nhiệm vụ tiếp tục thực hiện quá trình “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác-Lênin” trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử mới của thế giới, của thời đại và của quốc gia, dân tộc. ■

## MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ GIÁO DỤC TOÀN DIỆN TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

❖ Vũ Văn Vân

[GV kiêm chức phòng QLĐT & NCKH]

**Tóm tắt:** Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó tư tưởng về giáo dục chiếm một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng. Bài viết khái quát nội dung giáo dục toàn diện theo tư tưởng Hồ Chí Minh trên 3 phương diện mục đích giáo dục, nội dung giáo dục và quyền bình đẳng học tập trong giáo dục. Trên cơ sở đó, liên hệ trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục; giáo dục toàn diện.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thành công con đường cách mạng ấy thì giáo dục là vấn đề được Người quan tâm đặc biệt. Bởi lẽ theo Người, muốn có chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng về giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện không phải một cách tách rời, biệt lập, mà gắn kết, hòa quyện với các tư tưởng lớn về giải phóng dân tộc, phát triển con người, xây dựng chủ nghĩa xã hội,... Trong

phạm vi bài viết, người viết chỉ đề cập đến giáo dục toàn diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” - đó là tất yếu lịch sử đã được chứng minh và được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm. Nhận thấy rõ tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng một nền giáo dục mới - một nền giáo dục mà mục tiêu, nội dung và phương pháp phải hướng đến việc phát triển con người toàn diện, cũng như động viên mọi lực lượng tham gia sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một nền giáo dục toàn diện thể hiện trên các phương diện sau:

Một là, phát triển toàn diện con người là mục đích cơ bản của nền giáo dục mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định mục đích trọng tâm và xuyên suốt của nền giáo dục mới là vì con người, cho con người và hướng tới việc xây dựng con người mới - con người xã hội chủ nghĩa. Trong Thư gửi các học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (24/10/1955), Hồ Chí Minh đã chỉ ra mục đích và sứ mệnh của nền giáo dục mới là “đào tạo các em nên những

công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”, phải đào tạo ra “những công dân và cán bộ tốt, những người làm chủ tương lai tốt của nước nhà”. Nền giáo dục mới phải thực hiện dạy và học theo hướng: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”. Đó là mục đích cao nhất, là lý tưởng sáng ngời và là triết lý giáo dục Hồ Chí Minh cũng như của sự nghiệp giáo dục và đào tạo Việt Nam trong thời đại mới.

Hai là, nội dung giáo dục phải phong phú, toàn diện, lấy chất lượng làm cốt Để phát triển con người toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ, Hồ Chí Minh cho rằng cần phải có một nền giáo dục toàn diện, trong đó, nội dung giáo dục phải tổng hợp tri thức nhiều lĩnh vực như văn hóa, chính trị, thể chất, khoa học - kỹ thuật, quân sự, đạo đức cách mạng, lý tưởng cách mạng, xây dựng nếp sống văn hóa... Đồng thời, trang bị, cung cấp kiến thức, phát triển năng lực tư duy, mở mang trí tuệ; tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng cho người học. Đó chính là yêu cầu bắt buộc của một nền giáo dục mới để đào tạo ra những con người mới. Mặc dù vậy, Hồ Chí Minh luôn lưu ý, nội dung giáo dục được đưa vào giảng dạy phải theo nguyên tắc “Muốn đạt được những mục tiêu đó thì nội dung giáo dục phải toàn

diện, phù hợp với tính chất của trường học dưới chế độ mới; phù hợp với đặc điểm Việt Nam trong bối cảnh chung của thế giới. Nội dung đó bao gồm cả văn hóa, chuyên môn nghề nghiệp, các ngành nghề liên quan trực tiếp tới công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các lĩnh vực an ninh, quốc phòng liên quan tới sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, v.v..”<sup>(1)</sup>.

Theo Người, việc giáo dục gồm có:

Thể dục: Để làm thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ vệ sinh riêng và vệ sinh chung.

Trí dục: Ôn lại những điều đã học, học thêm những tri thức mới.

Mỹ dục: Để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp.

Đức dục: Là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công”.

Cả bốn nội dung trên của giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát lại trong hai chữ “tài” và “đức”.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong giáo dục, kiến thức là rất cần thiết, nhưng Người cũng chỉ ra rằng, đạo đức đóng vai trò quan trọng không kém. Người khẳng định: “Giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người

(1) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ho-chi-minh/nguyen-cuu-hoc-tap-tu-tuong/tu-tuong-ho-chi-minh-voi-su-nghiep-giao-duc-hien-nay-2460>.

là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản... thì còn làm nổi việc gì?”<sup>(2)</sup>.

Ba là, nền giáo dục mới phải bảo đảm quyền bình đẳng học tập cho tất cả mọi công dân. Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, hiếm có lãnh tụ nào quan tâm đến sự nghiệp giáo dục một cách toàn diện như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người khẳng định rằng: mọi người Việt Nam đều phải được giáo dục, phải có kiến thức để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến thế hệ trẻ, đặc biệt là thanh, thiếu niên. Đào tạo thế hệ trẻ là đào tạo thế hệ tương lai cho đất nước. Trong Lời kêu gọi chống nạn thất học (10-1945), Người viết: “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”. Tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền đã được Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua và công bố vào ngày 10/12/1948. Điều 26 của Tuyên ngôn ghi rõ: “Mọi người đều có quyền được giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí, ít nhất là ở bậc tiểu học và căn bản. Giáo dục tiểu học phải bắt buộc. Giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp phải được mở rộng và giáo dục đại học phải được mở rộng bình đẳng

cho mọi người, trên căn bản tài năng xứng đáng...”.

Trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1946) do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo, Điều 6 và 7 ghi rõ: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa”, “Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình”. Người còn lưu ý rằng: “Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung” (Điều 8).

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu, phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại như: thái độ thờ ơ với xã hội, xa với đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân, học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhồi sọ. Cần xây dựng tư tưởng: dạy và học để phục vụ Tổ quốc, giáo dục phải toàn diện, phải nhằm mục tiêu đào tạo con người lao động mới, phải coi trọng cả tài lẫn đức. Không những phải giàu về tri thức mà còn phải có đạo đức cách mạng. Theo Người: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Phải “trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt” mà phấn đấu nâng cao chất

(2) <https://tuyengiao.vn/theo-guong-bac/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-giao-duc-136751>

lượng văn hóa và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra, trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học kỹ thuật.

Tư tưởng của Người về giáo dục chiếm một phần rất quan trọng trong di sản tư tưởng của Bác. Có thể nói rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là hệ thống các quan điểm toàn diện, cụ thể và hết sức sâu sắc về giáo dục; là sự đúc kết, chất lọc tinh hoa giáo dục của phương Đông và phương Tây; là sự kế thừa có chọn lọc di sản giáo dục từ truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam; sự vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về giáo dục.

Trước những đòi hỏi mới, hơn bao giờ hết, mỗi giáo viên, cần thấm nhuần sâu sắc, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người thầy giáo trong sự nghiệp trồng người. Đại hội XIII của Đảng đề ra giải pháp tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo coi đây là khâu then chốt trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Bản thân là một giảng viên của Trường Chính trị - nơi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cho tỉnh nhà, cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí tự lực tự cường, lòng yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phải tăng cường trau dồi, rèn luyện năng lực chuyên môn, nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, năng lực

dự báo. Đồng thời, tăng cường phương pháp giảng dạy linh hoạt, đa dạng, lấy người học làm trung tâm, khuyến khích người học phát huy tính năng động, độc lập trong tư duy và năng lực đổi mới sáng tạo. Và đặc biệt, là 1 giảng viên của Trường chính trị cần phải tích cực tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tích cực, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực phản động, thù địch, cơ hội chủ nghĩa nhằm phủ định học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, vẫn mãi là những chỉ dẫn tuyệt vời nhất, soi đường, chỉ lối cả về lý luận lẫn thực tiễn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền giáo dục Việt Nam tiên tiến, hiện đại, hội nhập quốc tế. Giúp cho nền giáo dục Việt Nam hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cho sự nghiệp xây dựng, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đã đề ra, đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. ■

# THỰC HIỆN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH “PHẢI CÓ TÌNH ĐỒNG CHÍ YÊU THƯƠNG LẦN NHAU” - BÀI HỌC ĐỐI VỚI MỖI GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NINH THUẬN HÔM NAY

❖ ThS. Bùi Thị Hương  
[GV. Khoa Lý luận cơ sở]

**Tóm tắt:** Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau” thể hiện qua Di chúc là bài học quý giá cho cán bộ, đảng viên, giảng viên nói chung và giảng viên tại trường chính trị Ninh Thuận nói riêng. Để thực hiện tốt di nguyện của Bác, mỗi giảng viên phải không ngừng rèn luyện các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đặt lợi ích của nhà Trường, lợi ích chung lên trước lợi ích cá nhân, sống có lý, có tình; phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng như trong cuộc sống.

**Từ khóa:** Di chúc; Tình đồng chí; Giảng viên trường chính trị.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, Người đã dành trọn đời cho sự nghiệp giành độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc cho Nhân dân. Một trong những di sản tinh thần thiêng liêng quý giá mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đó chính là bản Di chúc lịch sử với những tư tưởng mang tính thời đại, tình yêu đất nước, yêu nhân dân.

Những dự báo và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Người đúc kết lại trong bản Di chúc lịch sử mà cho đến hôm nay trở thành một tác phẩm làm kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu, rèn luyện. Đặc biệt, tác phẩm trở thành ngọn đuốc soi đường, chỉ dẫn cho mỗi cán bộ, đảng viên, giảng viên Trường Chính trị Ninh Thuận hôm nay không ngừng nỗ lực, phấn đấu, giúp đỡ, yêu thương để cùng tiên bộ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ngày 10/5/1965, Bác Hồ đặt bút viết bản Di chúc và đến 15/5/1965 Người viết xong bản thảo đầu tiên. Trong quá trình đó, hàng năm cứ đến trước dịp sinh nhật Người lại đem ra sửa chữa bổ sung. Tháng 5/1966, Người đã viết tay bổ sung thêm chín chữ: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc là những đúc kết được rút ra từ những nghiên cứu thực tiễn, mang nội dung khoa học, là dự báo tương lai, là những bài học quý giá cho mọi thế hệ. Bác căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân

chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”<sup>(1)</sup>. Trong mọi mối quan hệ giữa người với người nếu chúng ta đặt sự thương yêu, sẻ chia cùng nhau đoàn kết gắn bó cuộc sống sẽ trở lên hài hoà, tốt đẹp. Nhân dân ta thường nói: Thương người như thể thương thân, đã qua bao đời nay nhân dân ta lấy điều đó là phương châm cho những hành động trong cuộc sống để yêu thương, để chia sẻ những điều tốt đẹp cho nhau, để quên đi cái tôi của bản thân mà gánh vác thêm những điều có ý nghĩa cho xã hội, cho những người thiếu thốn, khó khăn hơn mình và cứ thế nét đẹp ấy được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Từ đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết lại rằng: “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được”<sup>(2)</sup>. Bác muốn nhấn mạnh và nhắc chúng ta rằng tình thương yêu

lẫn nhau là điều quan trọng hàng đầu để đảm bảo đoàn kết và bao trùm lên tất cả các mối quan hệ, các lĩnh vực đời sống xã hội. Trong đời sống thường ngày, Bác luôn lấy tình yêu thương của mình để quan tâm, động viên, chở che, nâng đỡ mọi người. Nên chúng ta nhìn thấy ở Người đầy lòng nhân ái, sự bao dung,... Tình yêu thương của Bác tạo nên một nét đẹp riêng, nét đẹp của tình yêu đối với con trẻ, kính trọng người già, tôn trọng phụ nữ, thương yêu mọi người, nhất là nhân dân lao động. Bằng cái nhìn của lòng nhân ái, sự bao dung cảm hoá, thu phục được lòng người, Người đã tập hợp nên sức mạnh của quần chúng nhân dân góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Bác đã nhấn mạnh điểm quan trọng nhất, là xương sống của mọi vấn đề để thể hiện tình đoàn kết trong Đảng. Bởi vậy, Bác đã bổ sung đoạn “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” vào sau ý “tự phê bình và phê bình” trong bản Di chúc để thực hiện phê bình và tự phê bình đúng đắn. Theo Bác nếu không xuất phát từ “Tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” thì dù có “tự phê bình và phê bình” đến mấy, dù được gọi là “có tinh thần đấu tranh thẳng thắn” đến mấy cũng sẽ không chính xác, hiệu quả. Thực tế cuộc sống đã minh chứng nhiều bài học rằng không có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau thì phê bình và tự phê bình sẽ lệch lạc, sẽ có hiện

---

(1) Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb CTQGST, H.2011, t.15, tr.622.

(2) Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb CTQGST, H.2011, t.15, tr.668.

tượng chia bè, kéo cánh, bao che, giấu điểm khuyết điểm, làm mất uy tín của nhau,... Vậy nên cần phải thực hành phê bình như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy đó là phê bình trên tinh thần của những đồng chí, phê bình để giúp và hướng dẫn người ta sửa chữa, phê bình để tiến tới cái tốt đẹp, đến với sự đoàn kết, vững mạnh,... phải biết đau nỗi đau của người khác và cũng phải biết lo, nỗi lo của người khác; phải thực sự đồng cảm, và có một tinh thần đồng loại mà con người dành cho con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: Làm cách mạng phải có việc đúng, việc sai. Dĩ nhiên việc đúng là chủ yếu, việc sai là thứ yếu. Người cách mạng phải dám nhận ra cái sai để đấu tranh, để sửa chữa.

Hiện nay, một trong những nhiệm vụ cấp bách và thách thức lớn của Đảng ta đó là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên cần tập trung giải quyết. Đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đang trở nên quan trọng và cấp thiết. Điều đó càng thấy rõ những giá trị tư tưởng bao quát, thấu đáo, dự đoán trước đó của Bác thể hiện ngắn gọn ở câu “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Đây chính là tư tưởng chủ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách thức giữ gìn sự đoàn kết. Kể từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) đến nay là nghị quyết XIII, Đảng ta đã phát hiện và thi

hành kỷ luật hàng vạn cán bộ, đảng viên, trong số đó có nhiều người thuộc diện Trung ương quản lý. Điều đó càng cho thấy quyết tâm chính trị của Đảng nhằm làm trong sạch bộ máy, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã nghiêm khắc, chặt chẽ tiến hành tự phê bình và phê bình đã giúp các tổ chức đảng nắm được điểm mạnh, điểm yếu của tập thể mình cũng như của từng cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện những yếu kém, thiếu sót, sơ hở, từ đó khắc phục sửa chữa và làm rõ những vi phạm nghiêm trọng để xử lý, kỷ luật. Và cũng chính từ đây, tình đồng chí trong nội bộ đoàn kết gắn bó, uy tín của tổ chức đảng đối với quần chúng được nâng cao, nhiều cán bộ, đảng viên kể cả những đồng chí có sai lầm, khuyết điểm đã nhìn nhận, rút kinh nghiệm để khắc phục, sửa chữa,... góp phần quan trọng làm cho Đảng ta thật sự uy tín, tiến bộ, được dân tin yêu.

Đối với trường Chính trị Ninh Thuận, trong thời gian qua Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường và đội viên chức nói chung, giảng viên nhà trường nói riêng, đặc biệt quan tâm đến vấn đề đoàn kết, yêu thương lẫn nhau và luôn nêu cao tinh thần của Di chúc Bác Hồ: “Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”. Quan điểm này của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị và là bài học quý giá đối với mỗi cán bộ, đảng viên

nói chung và giảng viên đang công tác tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận nói riêng. Hiện nay, Trường Chính trị Ninh Thuận có 22 giảng viên và giảng viên kiêm chức, chiếm tỷ lệ 66,7%; trong đó giảng viên cao cấp có 01 người, chiếm tỷ lệ 4,5%; giảng viên chính có 03 người, chiếm tỷ lệ 13,7%; giảng viên 18 người, chiếm tỷ lệ 81,8%. Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua Di chúc, đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Ninh Thuận không ngừng nỗ lực phấn đấu trong công tác và rèn luyện bản thân nhằm góp phần xây dựng Trường Chính trị Ninh Thuận đáp ứng các tiêu chí của Trường Chính trị chuẩn. Ngay từ năm 2022 cho đến nay chi bộ giảng viên đã chủ trương thực hiện Nghị quyết chuyên đề mỗi giảng viên là tấm gương sáng cho học viên noi theo. Qua đó, mỗi giảng viên đã luôn nêu cao tính tiên phong gương mẫu về đạo đức, lối sống và trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, mỗi cán bộ, đảng viên luôn nêu tinh thần đoàn kết, học hỏi và giúp đỡ nhau cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, sẵn sàng chung sức gánh vác để giúp nhau cùng vượt qua những khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống; Đấu tranh ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật. Luôn nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, bảo vệ cái đúng, đấu tranh chống lại cái sai, giữ gìn uy tín, danh dự của đồng nghiệp cũng như bảo vệ uy tín và danh dự của bản thân mình,

luôn tôn trọng lẫn nhau, ứng xử đúng mực với đồng nghiệp, xây dựng mối quan hệ đồng nghiệp tốt giúp cho mỗi giảng viên đạt được nhiều thành công trong công việc cũng như tạo nên sự cân bằng trong cuộc sống. Sự hỗ trợ, chia sẻ từ đồng nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi giảng viên, là động lực để vượt qua những khó khăn để thực hiện tốt mọi nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Đồng thời, đội ngũ giảng viên cũng là lực lượng đi đầu trong đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Trong tự phê bình và phê bình mỗi giảng viên luôn nêu cao tinh thần cầu thị, tự giác, trung thực, chân thành, công tâm, không hữu khuynh, né tránh, chạy theo chủ nghĩa thành tích.

Bên cạnh những kết quả đạt được, để thực hiện tốt lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”, trong thời gian tới mỗi giảng viên Trường Chính trị Ninh Thuận cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

*Thứ nhất*, mỗi giảng viên phải đặt lợi ích của nhà Trường, lợi ích chung lên trước lợi ích cá nhân. Trong quá trình công tác mỗi giảng viên phải thấu suốt tinh thần lợi ích tập thể để xây dựng Trường Chính trị ngày càng phát triển với chất lượng giảng dạy ngày càng được nâng cao, uy tín, vị thế của Trường ngày càng được khẳng định tại tỉnh, khu vực và trên cả nước.

Mỗi giảng viên phải siêng năng, cần cù, chủ động, sáng tạo trong công tác, sống có tinh thần, trách nhiệm, sống có lý, có tình, sẵn sàng hi sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích tập thể, không ngừng nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện và sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thách thức để vì mục tiêu chung của nhà Trường.

*Thứ hai*, về đạo đức, mỗi giảng viên phải không ngừng rèn luyện các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và đặc biệt là giữ gìn uy tín, lương tâm, danh dự của nghề giáo, không thiên tư, thiên ái, không tham lam, ích kỷ, không tư lợi dù là cây kim, sợi chỉ của chung. Cá nhân mỗi giảng viên phải xây dựng cho bản thân nếp sống, đạo đức, lối sống lành mạnh, bao dung, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau giữa đồng nghiệp với nhau và sự thân thiện, gần gũi, chuẩn mực trước học viên. Cá nhân mỗi giảng viên luôn khiêm tốn, học hỏi, trau dồi kiến thức và rèn luyện đạo đức, không tự mãn, không đồ kỵ.

*Thứ ba*, mỗi giảng viên phải phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng như trong cuộc sống. Sự giúp đỡ từ những người đồng nghiệp lẫn nhau không chỉ tạo ra mối quan hệ tốt đẹp trong nhà trường, mà còn là tấm gương cho mỗi học viên noi theo và vận dụng vào thực tiễn đơn vị mình. Qua đó, mỗi giảng viên đã thực hiện tốt Nghị quyết

chuyên đề của chi bộ và mô hình của nhà trường “Mỗi viên chức Trường Chính trị Ninh Thuận là tấm gương sáng cho học viên noi theo”.

*Thứ tư*, mỗi giảng viên phải thực hiện tốt việc tự phê bình và phê bình trên cơ sở giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ và đây cũng chính là vấn đề quan trọng để phát huy tinh thần đoàn kết, tinh đồng chí yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, lên án tình trạng lợi dụng việc phê bình cho các mục đích cá nhân, thiếu trong sáng.

*Thứ năm*, mỗi giảng viên phải phát huy tinh thần đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lợi ích nhóm, thực hiện tốt Kết luận 01-KL/TW và Nghị quyết trung ương 4 khóa XII, XIII và Nghị quyết 35-NQ/TW nhằm bảo vệ tốt nền tảng tư tưởng của Đảng.

Hôm nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh dù đã đi xa, nhưng lời căn dặn của Bác vẫn còn nguyên giá trị đối với mọi thế hệ chúng ta. Trước những yêu cầu phát triển không ngừng của sự nghiệp cách mạng, của đất nước trong thời kỳ đổi mới, biết ơn Người, mỗi giảng viên chúng ta càng phải “tự soi”, “tự sửa” để làm tốt hơn nữa nhiệm vụ cách mạng của mình. Bác dạy chúng ta phải biết thương yêu sẻ chia, trân quý những gì mình đang có. Đó là phẩm chất truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta mà nhiệm vụ của mọi thế hệ phải biết gìn giữ phát huy. ■

# VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM “LÝ LUẬN GẮN VỚI THỰC TIỄN” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

❖ ThS. Trần Thu Hương  
[GV. Khoa Lý luận cơ sở]

**Tóm tắt:** Việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng quan điểm “lý luận gắn với thực tiễn” của Hồ Chí Minh trong giảng dạy trung cấp lý luận chính trị là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Bài viết làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ “lý luận gắn với thực tiễn”. Từ đó, vận dụng vào công tác giảng dạy chương trình trung cấp lý luận chính trị hiện nay.

**Từ khóa:** Lý luận và thực tiễn; giảng dạy; học phần A.V,VI.

## 1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng lý luận và định hướng để Đảng ta xây dựng đường lối cách mạng đúng đắn, tổ chức lực lượng và lãnh đạo Nhân dân giành thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta một di sản tinh thần vô giá, đó là hệ thống các quan điểm, tư tưởng của Người trên nhiều lĩnh vực, về nhiều vấn đề trong đó có quan điểm “lý luận gắn với thực tiễn”.

Xuất phát từ học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không có liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”<sup>(1)</sup>. Hồ Chí Minh dùng nhiều cách diễn đạt khác nhau để mọi người dễ hiểu: “Lý luận đi đôi với thực tiễn“, “Lý luận kết hợp với thực hành“, “Lý luận phải liên hệ với thực tế”<sup>(2)</sup>. Có thể nói, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng quan điểm này của Hồ Chí Minh vào trong hoạt động giảng dạy nói chung, giảng dạy trung cấp lý luận chính trị nói riêng là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Trước hết, bàn về lý luận, Hồ Chí Minh cho rằng: “Lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8.

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8.

sử”<sup>(3)</sup>. Như vậy, theo Hồ Chí Minh lý luận được hình thành trên cơ sở tổng kết, khái quát kinh nghiệm thực tiễn; song không phải lúc nào và bao giờ cứ có kinh nghiệm thực tiễn là có được lý luận. Bởi, lý luận không thể ra đời một cách tự phát, không phải là mục đích tự thân mà nó đòi hỏi phải được bổ sung, hoàn thiện, phát triển thông qua tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Một khi lý luận xuất phát từ thực tiễn, được chứng minh trong thực tiễn và khi vận dụng vào thực tiễn, lý luận sẽ trở nên phong phú và sâu sắc hơn, phản ánh đầy đủ hơn, chuẩn xác hơn các quy luật vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội và của con người. Mặc dù, lý luận được tổng kết từ thực tiễn nhưng nó có vai trò quan trọng trong việc chỉ ra cách thức, phương hướng cho con người trong hoạt động thực tiễn.

## **2. Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy học phần A.V, VI thuộc chương trình trung cấp lý luận chính trị hiện nay**

Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên nhà trường cũng đã rất quan tâm đến việc học tập, nghiên cứu lý luận thông qua việc tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tích cực trong tham gia nghiên cứu thực tế

thông qua hoạt động đi thực tế ở cơ sở từ thực tế dài hạn đến thực tế thường xuyên hàng năm để kịp thời cập nhật, nắm bắt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nhằm hướng đến thực hiện nguyên lý “lý luận gắn với thực tiễn” cũng như từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giảng dạy. Việc vận dụng mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình giảng dạy đã được các giảng viên lồng ghép vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả, cụ thể ở học phần A.V, VI (Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học) với 56 tiết gồm 07 bài từ bài 18 đến bài 24. Giảng viên trên cơ sở thực tiễn thông qua đi nghiên cứu thực tế cơ sở như hợp tác xã tại một số huyện tham quan một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao; khảo sát thực tế tại một số doanh nghiệp ngoài nhà nước như công ty may Tiến Thuận; Cánh Đồng Việt, v.v.. từ đó bổ sung vào nội dung bài giảng, ví dụ: bài 18 một số nội dung trọng tâm như: xây dựng liên minh công nông trí, giai cấp công nhân để học viên nắm được thực tiễn cụ thể tại địa phương. Trên cơ sở đó, học viên đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm phát triển kinh tế tại địa phương.

Trong thời gian tới, nhằm góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng tại nhà trường nói chung cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc giảng dạy

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.9.

trung cấp lý luận chính trị nói riêng cần tập trung vào bốn giải pháp sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức cho toàn thể giảng viên về sự cần thiết của việc nghiên cứu, vận dụng nguyên tắc “lý luận gắn với thực tiễn” của Hồ Chí Minh trong hoạt động giảng dạy tại nhà trường.

Bởi thông qua việc nghiên cứu, học tập quan điểm trên của Hồ Chí Minh không những giúp cho người giảng viên xây dựng được cho mình một phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả trong công tác nghiên cứu, giảng dạy mà còn giúp cho giảng viên tích cực trong việc học tập, nâng cao trình độ lý luận, thu thập, tích lũy kiến thức thực tế, từ đó làm cho kiến thức của mình ngày càng thêm phong phú từ phương diện lý luận lẫn cả thực tiễn, đảm bảo quá trình giảng dạy ngày càng có hiệu quả, chất lượng.

Hai là, đội ngũ giảng viên cần phải thường xuyên thực hiện công tác nghiên cứu lý luận thông qua việc tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn; thông qua việc nghiên cứu tài liệu, sách, báo,... nhằm nắm vững kiến thức về lý luận.

Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ, đòi hỏi bản thân giảng viên cần phải có vốn kiến thức về lý luận chính trị. Song, ngoài việc nắm vững kiến thức về mặt chuyên môn, giảng viên

cũng cần nghiên cứu, trang bị thêm cho mình kiến thức ở một số lĩnh vực khác để nhằm mở rộng sự hiểu biết và làm cho kiến thức của mình ngày càng thêm phong phú. Trên thực tế, khi có vốn kiến thức lý luận sâu rộng người giảng viên sẽ chủ động, tự tin trong quá trình truyền đạt, chia sẻ tri thức cũng như đảm bảo việc truyền đạt tri thức đến người học một cách có hiệu quả, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quá trình giảng dạy.

Ba là, tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu thực tế tại các địa phương nhằm tích lũy kinh nghiệm thực tế, kiến thức thực tiễn để có thể vận dụng trong hoạt động giảng dạy.

Hầu hết đối tượng học viên tham gia các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị tại Trường đều là những cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Họ không những là người có trình độ chuyên môn mà còn có kiến thức thực tế về ngành, lĩnh vực nhất định; đặc biệt là kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác. Do vậy, để có thể làm cho bài giảng, tiết giảng thực sự thu hút người học cũng như làm cho quá trình giảng dạy thật sự có hiệu quả, đòi hỏi người giảng viên bên cạnh việc nắm vững kiến thức về lý luận còn phải có kiến thức về thực tiễn. Có kiến thức về thực tiễn sẽ giúp cho người giảng viên khi giảng dạy có

thể liên hệ, đối chiếu, so sánh giữa lý luận và thực tiễn; liên hệ, minh họa kiến thức từ thực tiễn nhằm làm rõ hơn những vấn đề lý luận, từ đó không chỉ giúp cho người học khắc sâu nội dung bài học mà còn làm cho quá trình giảng dạy được sinh động, thu hút sự chú ý, tham gia chia sẻ của học viên nhất là về những vấn đề đã và đang đặt ra trong thực tiễn. Để có được vốn kiến thức thực tiễn, đòi hỏi người giảng viên cần tích cực, mạnh dạn, chủ động thâm nhập thực tế thông qua hoạt động nghiên cứu thực tế ở cơ sở, các ban ngành.

Bôn là, tích cực, chủ động trong nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lý luận gắn với thực tiễn.

Đổi mới phương pháp giảng dạy là một yêu cầu rất cần thiết đối với hoạt động dạy học nói chung và giảng dạy trung cấp lý luận chính trị nói riêng. Song, xuất phát từ thực tế, đối tượng học viên của nhà trường là những người vừa có trình độ chuyên môn vừa có kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn; do vậy, trong giảng dạy người giảng viên cần phải quan tâm và chú trọng đến việc đổi mới phương pháp sao cho phù hợp với đối tượng theo hướng lý luận gắn với thực tiễn. Hiện nay, có nhiều phương pháp giảng dạy tích cực đã và đang được thực hiện theo phương châm lý luận gắn với thực tiễn: phương pháp đặt và

giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống. Đối với học viên, khi áp dụng phương pháp dạy hiện đại theo hướng lý luận gắn với thực tiễn sẽ giúp học viên chủ động, sáng tạo hơn trong việc tiếp thu và xử lý các tri thức từ tri thức lý luận đến kiến thức thực tiễn.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “lý luận gắn với thực tiễn” trong giai đoạn hiện nay vẫn còn mang giá trị, ý nghĩa hết sức to lớn cả về phương diện lý luận và thực tiễn nhất là trong hoạt động giảng dạy. Việc gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy không những giúp cho người giảng viên xây dựng được ý thức tự giác trong học tập, nâng cao trình độ lý luận; thu thập, tích lũy kiến thức thực tế mà còn giúp cho học viên có cái nhìn khách quan vào thực tiễn để qua đó giúp cho họ thấy rằng việc học lý luận là thiết thực, mối quan hệ giữa lý luận với thực tiễn là mối quan hệ biện chứng và việc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Bản thân là giảng viên khoa lý luận cơ sở - giảng dạy trực tiếp các học phần từ A.I đến A.VII - những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh càng nhận thức rõ việc vận dụng và lồng ghép chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là vận dụng và liên hệ một cách phù hợp và linh hoạt. ■

## VẬN DỤNG TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG” VÀO XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ Trần Thị Huyền Trang  
[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

**Tóm tắt:** Việc xây dựng đạo đức công vụ trong đội ngũ giảng viên Trường Chính trị là yêu cầu cần thiết, cấp bách, ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo, giảng dạy đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương, góp phần khẳng định vị thế, uy tín của Trường Chính trị. Chính vì vậy, việc vận dụng những giá trị tác phẩm “Đạo đức cách mạng” để nâng cao đạo đức cho đội ngũ giảng viên trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận góp phần đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Xây dựng đạo đức cách mạng; giảng viên; Trường Chính trị Ninh Thuận.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề cán bộ, coi cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Người cho rằng một khi đã có đường lối cách mạng đúng thì cán bộ là khâu quyết định “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>(1)</sup>.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cán bộ có đạo đức nhưng lại phải có tài. Cán bộ chỉ có đức mà thiếu tài thì cũng chẳng khác nào “những ông bụt ngồi ở

trong chùa”. Có tài, theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm cả năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn. Muốn có được những năng lực đó, người cán bộ phải chịu khó học tập, rèn luyện, trước hết là học tập lý luận Mác-Lênin, sau đó phải chịu khó lăn lộn trong thực tiễn. Bởi vì theo Người, lý luận luôn được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động.

Đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh) vừa là viên chức trong hệ thống chính trị, vừa là chủ thể trực tiếp thực hiện công tác giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quan điểm, tư tưởng của Đảng, chính sách của Nhà nước,... cho đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương. Chính đội ngũ này có vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại địa phương, đặc biệt tạo ra những tác động mang tính định hướng về quan điểm, tư tưởng cho bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong tình hình hiện nay.

### 1. Sơ lược về tác phẩm “Đạo đức cách mạng”

Đạo đức cách mạng là tác phẩm chứa đựng những quan điểm lý luận sâu sắc và có hệ thống của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tu dưỡng, thực hành đạo

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.68,

đức cách mạng và nhận diện, phòng chống chủ nghĩa cá nhân, nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đạo đức cách mạng là vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm xuyên suốt từ những năm đầu thành lập Đảng đến khi Người ra đi về cõi vĩnh hằng, Người đã viết khá nhiều tác phẩm chủ đề đạo đức cách mạng để giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Đây là một tác phẩm có tính tư duy triết học và hàn lâm, đánh dấu bước nhận thức sâu sắc và khá toàn diện của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.

Nhận thức rõ những yêu cầu bức thiết của thực tiễn cách mạng và sớm tiên liệu được tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng*, bài viết mang bút danh Trần Lực, đăng trên Tạp chí *Học tập* (nay là *Tạp chí Cộng sản*) và sau đó được Nhà xuất bản Sự Thật in thành sách và phát hành ngay trong tháng 12, năm 1958. Tác phẩm được in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2011, tập 11, tr.600-612.

Trong tác phẩm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra các chuẩn mực của đạo đức cách mạng là:

*Thứ nhất*, đó là sự trung thành với lý tưởng của Đảng: “Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất”<sup>(2)</sup>.

*Thứ hai*, thể hiện của sự trung thành, đó là: “Ra sức làm việc cho Đảng,

giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng”<sup>(3)</sup>.

*Thứ ba*, vô luận trong hoàn cảnh nào, phải nêu gương về sự trung thành đó bằng cách: “Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì nhân dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc”.

*Thứ tư*, sự trung thành và sự thể hiện trên thực tiễn bằng hành động của cán bộ, đảng viên phải trên cơ sở sự giác ngộ lý luận khoa học và cách mạng: “Ra sức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”.

## **2. Vận dụng vào việc nâng cao đạo đức cho đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận**

Có thể nói, đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, có tinh thần, trách nhiệm trong việc học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về các nguyên tắc xây dựng đạo đức để nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm, luôn kiên định vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng, có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực

---

(2). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.603.

---

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.604.

tiền đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên thực hiện việc “nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức”: 100% giảng viên thực hiện cam kết rèn luyện, gắn với phần đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, tập trung vào các vấn đề phong cách, đạo đức, việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, với những việc làm cụ thể, gắn với vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan và có đánh giá những ưu, khuyết điểm theo hướng dẫn của sổ tay đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh do Đảng ủy khối phát hành, Sổ công tác, bản cam kết của Đảng ủy Trường. Thực hiện tốt các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường, các kế hoạch giảng dạy và học tập của các lớp.

Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên luôn nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của mình, luôn cố gắng học tập nâng cao trình độ, trau dồi, cập nhật kiến thức mới cả về chuyên môn nghiệp vụ cũng như về lý luận chính trị và kiến thức thực tiễn với nhiều hình thức đa dạng, học ở trường, học ở đồng nghiệp và học ở chính những học viên của mình. Trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế có nhiều đổi mới, các bài viết trong các buổi hội thảo đa số có sự đầu tư, nghiên cứu sát với thực tế, có liên hệ, đánh giá khách quan, khoa học, đề xuất các kiến nghị, giải pháp mang tính khả thi, gắn với công tác quản lý, giảng dạy và học tập tại trường; các buổi đi thực tế

gắn với cơ sở, sát với chuyên môn; việc tham gia được các giảng viên đầu tư công phu, kỹ lưỡng; các sáng kiến, giải pháp kinh nghiệm đều gắn với các hoạt động quản lý, dạy, học của Trường. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy các giảng viên đã lồng ghép những kiến thức thực tiễn vào nội dung các bài giảng giúp nội dung truyền tải sinh động, có chiều sâu để lý luận gắn liền với thực tiễn như tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ rõ.

Đội ngũ giảng viên thực hiện tốt các phong trào thi đua của nhà Trường đề ra như thi đua lập thành tích chào mừng ngày 20/11; thi đua Dạy tốt - Học tốt - Phục vụ tốt - Quản lý tốt; thi đua yêu nước; các phong trào do Công đoàn, Đoàn thanh niên đề ra. Điển hình, trong những năm qua nhiều giảng viên được công nhận danh hiệu dạy giỏi cấp khoa, cấp trường, và cấp học viện, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, nhiều đề tài khoa học cấp trường đạt loại giỏi, các sáng kiến kinh nghiệm của các giảng viên được ghi nhận.

### **3. Một số giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng nhằm nâng cao đạo đức cho đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trong thời gian tới**

Để thực hiện tốt việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về những nguyên tắc đạo đức cách mạng nhằm nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên trong thời gian tới nhà trường và đội ngũ giảng viên cần phải tập trung vào một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, lãnh đạo Cấp ủy, chính quyền thường xuyên kiểm tra bản cam kết đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của đảng viên, quần chúng và việc sinh hoạt chi bộ định kỳ, chuyên đề của các Chi bộ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảng viên và các Chi bộ trong việc thực hiện điều lệ Đảng, các quy định về những điều đảng viên không được làm, việc thực hiện tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên đặc biệt là đội ngũ giảng viên.

*Thứ hai*, mỗi giảng viên phải luôn có tinh thần “Rèn luyện tu dưỡng đạo đức suốt đời” phải tự xác định cho mình các tiêu chí trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, tư cách, phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong sinh hoạt, năng lực chuyên môn, kiến thức thực tiễn,... để phấn đấu hoàn thiện mình. Điều đó đặt ra cho mỗi nhà giáo phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi đạo đức cách mạng; tác phong chính quy mẫu mực của nhà giáo; xây dựng động cơ đúng, trách nhiệm cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

*Thứ ba*, nêu cao tính chủ động, sáng tạo, hết lòng, hết sức hoàn thành công việc, nhiệm vụ giảng dạy. Từng giảng viên phải chịu khó, tích cực, hăng hái trong công việc, nhiệm vụ được giao, tiết kiệm thời gian và các phương tiện phục vụ công tác để làm việc có hiệu quả cao nhất. Chúng ta phải xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể trong thực hiện công việc, bảo đảm thời gian theo quy định như: Mỗi giảng viên phải tự vạch

kế hoạch làm việc theo năm, tháng, tuần, ngày. Kế hoạch năm là định hướng chung về trách nhiệm của bản thân trong năm, sau đó phải xác định nhiệm vụ trong tháng, trong tuần, trong ngày làm gì; nhiệm vụ nào cần giải quyết trước, nhiệm vụ nào làm sau. Khi đã có kế hoạch thì phải tuân thủ kế hoạch đã đề ra.

*Thứ tư*, song song với việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực thực tiễn bản thân các giảng viên cần thực hiện nghiêm túc việc “xây đi đôi với chống”. Người giảng viên trong tình hình mới phải có sự hiểu biết sâu sắc và cơ bản, đạt trình độ nhuần nhuyễn về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước để đấu tranh với những quan điểm sai trái của thế lực thù địch, ra sức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, vận dụng Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị trong quá trình giảng dạy lý luận chính trị. Bên cạnh đó thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, tự phê bình, và phê bình trong tập thể, sử dụng tài sản công bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả, không thất thoát, lãng phí. Tuyệt đối nói không với “tham nhũng” và những biểu hiện của “tham nhũng”.

Với đội ngũ giảng viên mạnh về số lượng và đang ngày càng nâng cao cả về chất lượng, đó sẽ là lực lượng kế cận xứng đáng thúc đẩy Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình và đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn cách mạng mới. ■

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA GIỚI TRẺ TRONG NHẬN DIỆN ĐẤU TRANH NHỮNG LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC, CHỐNG PHÁ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

**❖ ThS. Phạm Hưng Long**

*[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]*

**Tóm tắt:** Giới trẻ ngày nay được thừa hưởng những thành tựu của sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội,... Một vấn đề đặt ra là việc nhận diện nguồn thông tin xấu, độc hại của các thể lực thù địch trên không gian mạng. Bài viết nêu ra các vấn đề và đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm của giới trẻ trong nhận diện đấu tranh những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thể lực thù địch trên không gian mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Giới trẻ; Mạng xã hội; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Điều 1, Luật Thanh niên năm 2020 quy định: “Thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi”. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), “thanh niên” là những người trong độ tuổi từ 15-24<sup>(1)</sup>. Còn có những khác biệt trong quan niệm về độ tuổi thanh niên nói chung ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, ở Việt Nam, quãng tuổi thanh niên theo quan niệm của WHO từ 15-24 tuổi được

sử dụng khá phổ biến.

Giới trẻ trong bài viết này là cách gọi chỉ những người thuộc tầng lớp thanh niên trong xã hội độ tuổi từ 15 đến 34 tuổi.

Giới trẻ Việt Nam trong độ tuổi từ 15 đến 34 tuổi đang là một lực lượng đông đảo, chiếm khoảng 30% dân số. Đây là lực lượng có nhiều tiềm năng về sức khỏe, trí tuệ, tràn đầy nhiệt huyết và khả năng thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường trong nước và quốc tế. Giới trẻ Việt Nam phần lớn đều có tinh thần nhiệt tình cách mạng, hăng hái, tiên phong, ham học hỏi, có tinh thần đổi mới, sáng tạo. Khi được điều dặt, tập hợp, lực lượng giới trẻ của Việt Nam cũng rất dễ liên kết thành một khối thống nhất, đoàn kết, sẵn sàng lăn xả vào những trọng trách và nhiệm vụ được phân công.

Tuy nhiên, do có những hạn chế nhất định về trình độ, kinh nghiệm sống nên thanh niên Việt Nam cũng dễ bị lôi kéo, kích động, thường dễ có tâm lý chán nản, bi quan trước những thất bại, vấp ngã đầu đời,... Đây là những đặc điểm mà các thể lực thù địch đã và đang tập trung khai thác, nhằm tăng cường những hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước trên các không gian

(1) UNFPA (2011), Thanh niên Việt Nam: Tóm tắt một số chỉ số thống kê, Từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009

mạng hiện nay. Điều đó đặt ra cho chúng ta cần phải có những giải pháp để nâng cao lập trường tư tưởng chính trị cho giới trẻ bằng những hình thức tuyên truyền phong phú và đa dạng, để giới trẻ có được lượng tri thức nhất định, và kỹ năng nhận diện, đấu tranh phản bác những luận điều sai trái của các thế lực thù địch trên không gian mạng hiện nay. Trong bối cảnh nước ta đã và đang ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng, đây là điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch, lưu vong ở nước ngoài ra sức chống phá Đảng, chống phá nhà nước, chống phá cách mạng, chống phá những thành tựu chúng ta đạt được trong thời gian vừa qua. Điều này tất yếu đã đặt ra nhiều vấn đề cần phải được phát huy và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và tình hình mới.

*Thứ nhất*, bên cạnh việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội vào sự nghiệp phát triển toàn diện của đất nước, bắt kịp với xu thế của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, thì việc quản lý những luồng thông tin xấu, thông tin độc hại tác động trực tiếp đến người dùng nói chung đặc biệt là giới trẻ, ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc cũng cần được chú trọng ngăn chặn đẩy lùi; Công tác phân cấp phân quyền trong quản lý hệ thống thông tin cần phải làm sao để đảm bảo minh bạch, rõ ràng; tăng cường trong quản lý, và cách quản lý không gian mạng, tích cực sửa đổi và hoàn thiện hơn nữa luật an ninh mạng áp dụng vào công tác quản lý làm sao cho hiệu quả, để không gian mạng đúng là môi trường trong sạch thật

sự, và là công cụ hữu hiệu, là kênh cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, góp phần đưa đất nước ta trở thành một nước văn minh, hiện đại, phát triển toàn diện và bền vững trong bối cảnh mới.

*Thứ hai*, làm thế nào để các kênh thông tin chính thống có thể cung cấp kịp thời, toàn diện và đa chiều các sự kiện, hiện tượng mang tính định hướng, để giới trẻ không bị nhiễu thông tin, hoặc tiếp cận những luồng thông tin sai lệch, góp phần củng cố niềm tin trong đại bộ phận nhân dân nói chung và giới trẻ nói riêng.

*Thứ ba*, đưa ra những giải pháp nào để có cơ chế khuyến khích, động viên, đồng thời chấn chỉnh kịp thời những hành vi sai lệch của giới trẻ trên không gian mạng; đồng thời tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể, tạo sân chơi lành mạnh, đồng thời cũng cần đưa ra những biện pháp cụ thể để giáo dục tình yêu quê hương đất nước, củng cố lập trường chính trị và khơi dậy tính tự giác trong đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái trên không gian mạng.

*Thứ tư*, đối với góc độ giới trẻ, là người sử dụng không gian mạng cần phải luôn chú trọng sử dụng thông tin đa chiều, sàng lọc thông tin chính thống; nâng cao tự giác bồi dưỡng và củng cố tư tưởng chính trị, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ thì việc tự bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho bản thân cũng thuận lợi hơn, vấn đề đặt ra là ý thức tự giác trong mỗi bạn trẻ.

Từ những vấn đề đã đặt ra, cá nhân xin đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao trách nhiệm của giới trẻ trong nhận diện đấu tranh những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Cụ thể:

*Một là*, tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý đối với công tác tư tưởng và trong công tác tư tưởng, trước hết là lĩnh vực hoạt động thông tin - truyền thông trên hệ thống internet.

*Hai là*, tăng cường vai trò của các tổ chức trong công tác tuyên truyền và vận động, nâng cao tư tưởng lập trường chính trị cho giới trẻ, và phải xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và lâu dài, bởi khi nhận thức đúng đắn về tư tưởng, lý luận là điều kiện quan trọng để giới trẻ thể hiện quan điểm, tư tưởng trên các nền tảng của mạng xã hội một cách đúng đắn, góp phần vào việc đấu tranh một cách triệt để những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch trên các không gian mạng, xây dựng Đảng vững mạnh, toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức.

*Ba là*, tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể, đặc biệt cần phát huy vai trò đúng nghĩa của các tổ chức Đoàn, Hội trong việc tập hợp thanh niên.

*Bốn là*, thế hệ trẻ cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp công nghệ, như: bảo vệ tốt thông tin cá nhân; nắm vững sơ bộ những kỹ thuật nhằm hạn chế phát tán thông tin trên không gian mạng; kỹ

thuật phân tích điều tra, ngăn chặn, bóc gỡ, khóa tài khoản của đối phương,... Mỗi một tài khoản mạng xã hội cần được xác định là “biên giới ảo”, mỗi cá nhân sử dụng phải có trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ của mình.

*Năm là*, phát huy các tổ chức đoàn thanh niên, xây dựng mỗi đơn vị trở thành “một thành lũy phòng chống thế lực thù địch”, một đoàn viên, thanh niên là một chiến sĩ, tập trung, liên tục và thường xuyên sàng lọc, loại bỏ thông tin xấu, độc; lan tỏa thông tin tốt, hữu ích đến toàn thể nhân dân và xã hội.

Tóm lại, những tác động của mạng xã hội đối với công tác tư tưởng hiện nay vừa có cả mặt tích cực và những hạn chế. Việc ứng dụng mạng xã hội vào việc bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần được đặt ra như một nhiệm vụ thường xuyên của Đảng, của các cấp chính quyền. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mạng xã hội sẽ ngày càng được ứng dụng rộng rãi, người đứng đầu cũng như mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động cần ý thức rõ và sâu sắc được tính hai mặt đó của mạng xã hội sẽ có tác dụng phòng vệ cho bản thân trước mọi nguy cơ cũng như lan tỏa những giá trị tích cực mà mạng xã hội mang lại. Mạng xã hội cần được quan tâm và sử dụng như một phương tiện quan trọng trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, làm cho nền tảng tư tưởng của Đảng được bảo vệ và ngày càng phát triển. ■

**MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI TRONG CUỐN SÁCH  
“KIÊN QUYẾT, KIÊN TRÌ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG  
THAM NHŨNG, TIÊU CỰC GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ  
NHÀ NƯỚC TA NGÀY CÀNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH”  
CỦA TỔNG BÍ THƯ**

❖ ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền  
[Phó Hiệu trưởng]

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích làm rõ một số nội dung cốt lõi trong cuốn sách “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực? Nhận diện đúng về tham nhũng, tiêu cực; Những bước tiến mới về PCTN, TC; 8 bài học có giá trị để củng cố thêm bản lĩnh và niềm tin vào PCTN, TC; 5 Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới.

**Từ khóa:** Phòng chống tham nhũng, tiêu cực; kiên quyết; kiên trì; nhận diện tham nhũng, tiêu cực.

Tiếp tục tinh thần các Đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng coi công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh<sup>(1)</sup>. Đại hội cũng yêu cầu kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm chính trị

cao hơn, hành động mạnh mẽ hơn, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Để góp phần thực hiện công tác này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã xuất bản cuốn “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh”. Cuốn sách có nội dung phong phú, trong đó tập trung nội dung cốt lõi sau:

**1. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực**

Kiên quyết là tỏ thái độ hết sức cứng rắn, quyết làm bằng được điều đã định, dù khó khăn trở ngại đến mấy cũng không thay đổi. Nghĩa là đấu tranh phòng, chống tham nhũng là việc làm hết sức cứng rắn, không thay đổi, không nhượng bộ, quyết tâm làm đến nói đến chốn.

Kiên trì là nỗ lực liên tục để đạt được điều gì đó bất chấp nghịch cảnh, thất bại hoặc khó khăn. Kiên trì đấu tranh, phòng chống tham nhũng, tiêu cực là nỗ lực hết sức, nỗ lực liên tục, bất chấp khó khăn để thực hiện cuộc chiến này. Đại hội này chưa xong thì Đại hội sau, sau nữa phải tiếp tục.

(1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐHĐBTQ lần thứ XIII, Nxb. CTQGST. H. 2021, tập I, tr.193.

Vì sao chúng ta phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực? Có một số ý kiến cho rằng “nếu quá tập trung vào chống tham nhũng sẽ làm “nhụt chí”, “chùn bước” những người dám nghĩ, dám làm và làm “chậm” sự phát triển của đất nước. Trong khi thực tiễn cho thấy hoàn toàn ngược lại. Cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực đã góp phần rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đặc biệt là đã từng bước lấy lại và củng cố niềm tin của nhân dân”<sup>(2)</sup>.

Tổng Bí thư khẳng định cần thống nhất quan điểm: Mục tiêu của công tác Phòng chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN, TC) là nhằm làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, để phát triển đất nước. Đây là cuộc đấu tranh chống “giặc nội xâm”, không phải là cuộc đấu giữa các “phe cánh” hay “đấu đá nội bộ”, như có người không hiểu hoặc cố tình xuyên tạc với động cơ sai, dụng ý xấu<sup>(3)</sup>.

## 2. Nhận diện đúng về tham nhũng, tiêu cực

Trong cuốn sách Tổng Bí thư chỉ rõ tham nhũng (tham ô, nhũng nhiễu) là hiện tượng xã hội tiêu cực, xấu xa mà thời nào,

chế độ nào, quốc gia nào cũng có; đó là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực.

Theo Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003: “Tham nhũng là sự lợi dụng quyền lực của nhà nước để trục lợi riêng”. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Việt Nam đã xác định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”. Như vậy, về bản chất, là hành vi “ăn cắp của công làm của tư” như Bác Hồ nói<sup>(4)</sup>.

*Tiêu cực rộng hơn tham nhũng.* Đó là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tham nhũng là một loại hành vi tiêu cực do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, là loại biểu hiện cụ thể của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Tham nhũng và tiêu cực, nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống có mối quan hệ gắn bó mật thiết, chặt chẽ với nhau. Nguyên nhân cơ bản, trực tiếp của tham nhũng là do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tiêu cực là môi trường làm nảy sinh tham nhũng; tham nhũng tác động trở lại làm trầm trọng hơn tình trạng tiêu cực. Do đó, phòng, chống tiêu cực, mà trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tức là trị tận gốc của tham nhũng.

(2) Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Nxb. CTQGST, H.2023, tr.14.

(3) Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Nxb. CTQGST, H.2023, tr.14.

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.7, tr.355.

### 3. Những bước tiến mới về phòng chống tham nhũng, tiêu cực

#### *Về nhận thức*

Trong cuốn sách, Tổng Bí thư chỉ rõ trước đây, chúng ta chủ yếu quan tâm đến tác hại trước mắt, về vật chất (kinh tế, tiền bạc), nay chúng ta quan tâm nhiều hơn, nhìn rõ hơn tác hại tiềm ẩn, khôn lường của tham nhũng, tiêu cực, làm hư hỏng, mất cán bộ, mất niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ và cuối cùng là mất chế độ. Hiện nay, vị trí, vai trò của cuộc đấu tranh PCTN, TC ngày càng được coi trọng và nhận thức sâu sắc hơn, toàn diện hơn.

Những năm đầu đổi mới, Đảng ta xác định “đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay”<sup>(5)</sup>. Sau hơn 35 năm đổi mới, chúng ta càng nhận rõ đây là “một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc”<sup>(6)</sup>.

*Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong đấu tranh PCTN, TC dưới sự lãnh đạo của Đảng*

- Mục tiêu: “Ngăn chặn, từng

bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính”<sup>(7)</sup>.

- *Nhân tố quyết định* việc thực hiện thành công mục tiêu đó là sự lãnh đạo trực tiếp, chặt chẽ, toàn diện, thường xuyên của Đảng.

- *Sức mạnh và động lực to lớn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực* là sự đồng tình, ủng hộ, hưởng ứng, tham gia tích cực của nhân dân và cả hệ thống chính trị, báo chí, mà nòng cốt là các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, như nội chính, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

- *Nếu không dựa vào dân* thì cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực khó có thể thành công.

- *Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng* đối với công tác PCTN, TC không ngừng đổi mới cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Trên cơ sở đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa XI đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Trưởng

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.55, tr.237.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd, t.I, tr.193.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.65, tr.522.

Ban Nội chính Trung ương làm Phó Trưởng ban Thường trực; lập lại Ban Nội chính Trung ương là cơ quan tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách lớn thuộc lĩnh vực nội chính và phòng, chống tham nhũng, đồng thời là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo PCTN,TC và nhanh chóng đi vào hoạt động, đạt được những kết quả bước đầu. Chức năng, nhiệm vụ, Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng cũng đã được sửa đổi, bổ sung để chỉ đạo cả phòng, chống tham nhũng và phòng, chống tiêu cực.

#### **4. Đúc kết, rút ra 8 bài học có giá trị để củng cố thêm bản lĩnh và niềm tin vào phòng chống tham nhũng, tiêu cực**

Trong cuốn sách, Tổng Bí thư đã rút ra 8 bài học có giá trị để củng cố thêm bản lĩnh và niềm tin vào PCTN,TC. Đó là:

*Một là*, phải nhận thức thật đầy đủ và sâu sắc về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của công tác đấu tranh PCTN,TC để từ đó có quyết tâm chính trị rất cao, biện pháp rất đúng, hành động quyết liệt và phải đặt dưới sự lãnh

đạo, chỉ đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất của Đảng.

*Hai là*, phòng chống tham nhũng, tiêu cực là “chống giặc nội xâm”, tức là chống những thói hư, tật xấu, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ ăn bớt, ăn cắp, ăn chặn của công dưới nhiều hình thức; lấy tiền tài, của cải, vật chất do người khác “biếu xén”, “cho, tặng”, hối lộ,... với động cơ không trong sáng.

*Ba là*, cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là “then chốt của then chốt”, là “nguyên nhân của mọi nguyên nhân”.

*Bốn là*, phải kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, kịp thời xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực; trong đó, phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài; phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá.

*Năm là*, phải kiểm soát cho được việc thực hiện quyền lực nhà nước. Quyền lực luôn luôn có nguy cơ bị “thahóa”; tham nhũng, tiêu cực là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực.

*Sáu là*, chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng, kịp thời, hiệu quả của các cơ quan có chức năng PCTN,TC.

*Bảy là*, phải gắn công tác PCTN,TC với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; huy động sức

mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

*Tám là*, các giải pháp PCTN,TC phải phù hợp với bối cảnh, yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, truyền thống văn hóa của dân tộc; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài<sup>(8)</sup>.

### 5. Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới

Trong cuốn sách, Tổng Bí thư đề xuất 5 nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới:

*Một là*, phải tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu, xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt, nói đi đôi với làm của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong PCTN,TC.

*Hai là*, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, quản lý kinh tế - xã hội và PCTN,TC; kịp thời khắc phục những bất cập, bịt kín những “khoảng trống”, “kẽ hở”, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện thể chế để “không thể” tham nhũng, tiêu cực.

*Ba là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán; đẩy mạnh điều tra, truy tố, xét xử, thi

hành án; phát hiện sớm, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, qua đó cảnh tỉnh, răn đe để không ai dám tham nhũng, tiêu cực; nâng cao hơn nữa hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.

*Bốn là*, tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; cải cách hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới và tăng cường giám sát việc thực thi quyền lực.

*Năm là*, tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực từ Trung ương đến địa phương; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở khu vực ngoài nhà nước<sup>(9)</sup>.

Trên đây là một số nội dung cốt lõi trong cuốn sách “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh*” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Nhận thức và quán triệt tốt những nội dung cốt lõi này sẽ góp phần trực tiếp công tác PCTN,TC hiệu quả. ■

(8) Xem: Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Nxb. CTQGST, H.2023, tr.35-41.

(9) Xem: Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Nxb.CTQGST,H.2023, tr.43-51.

# VẬN DỤNG NỘI DUNG MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG TRONG CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀO LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY

❖ ThS. Trần Thị Thu Hường  
[GV.Khoa Xây dựng Đảng, Đoàn thể]

**Tóm tắt:** Từ khái quát nội dung cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, bài viết khẳng định tính định hướng, lãnh đạo của những nội dung đó trong quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi thành lập cho đến nay. Qua đó cho thấy những nội dung cơ bản được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng vẫn còn nguyên giá trị đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Mục tiêu; nhiệm vụ; Cương lĩnh chính trị; cách mạng Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam từ khi ra đời cho đến nay đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bao khó khăn để tạo ra “cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế” như ngày hôm nay. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra Cương lĩnh chính trị mang tính cách

mạng và khoa học với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ đó Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhân dân thực hiện theo mục tiêu, lý tưởng đó và liên tiếp giành thắng lợi. Thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay là những minh chứng chứng tỏ tính đúng đắn và tính thời sự của những luận điểm cơ bản được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên, trong đó có nội dung về mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng.

## 1. Nội dung mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng gồm các văn bản: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 02/1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh Việt Nam bị biến thành nước thuộc địa - phong kiến, khủng hoảng về đường lối cách mạng, thiếu một tổ chức lãnh đạo cách mạng và sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng vô sản

trên thế giới với sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch ra những nội dung cơ bản về con đường giải phóng dân tộc cho cách mạng Việt Nam với các luận điểm về đặc điểm và mâu thuẫn của xã hội Việt Nam, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, lực lượng, phương pháp tiến hành cách mạng, đoàn kết quốc tế và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong đó, vấn đề mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng được nêu rõ trong Cương lĩnh chính trị:

Về mục tiêu, đường lối của cách mạng, Chánh cương vắn tắt xác định rõ mục tiêu và con đường của cách mạng Việt Nam: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”<sup>(1)</sup>. Như vậy Chánh cương đã khẳng định rõ cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) là bước đi đầu tiên, giai đoạn thứ hai là cách mạng xã hội chủ nghĩa để tiến lên xây dựng xã hội cộng sản. Đường lối đó thể hiện rõ tư tưởng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau thể hiện ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Chánh Cương vắn tắt xác định

là phản đế và phản phong, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là đấu tranh chống đế quốc và tay sai, giành độc lập độc lập dân tộc, trên cơ sở đó thực hiện các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, nông dân nghèo được chia ruộng đất, phát triển kinh tế đất nước, tiến đến xây dựng một xã hội mới với các đặc trưng:

Về phương diện xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền,... phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

Về phương diện chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông.

Về phương diện kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái, thu hết sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc giao cho Chính phủ công nông binh quản lý, chia hết ruộng đất cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm 8 giờ.

## **2. Vận dụng nội dung mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam vào lãnh đạo cách mạng Việt Nam**

Về cơ bản cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, t.2, tr.2.

vạch ra. Đó là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến, sau đó tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa để xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên xã hội cộng sản.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lãnh đạo thực hiện kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ngay khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, những người cộng sản Việt Nam đã có sự nhất trí cao về đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục tinh thần của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Luận cương Chính trị (10/1930) tiếp tục chỉ ra các bước phát triển của cách mạng Việt Nam là: Lúc đầu sẽ là cuộc cách mạng tư sản dân quyền; tiếp đó sẽ tranh đấu tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn 1930-1945, giải quyết mối quan hệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được biểu hiện là đấu tranh giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ trước tiên và trọng tâm, mục tiêu chủ nghĩa xã hội chưa đặt ra trực tiếp mà là phương hướng tiến lên. Trong đấu tranh giành độc lập vấn đề đặt ra là giải quyết đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Đồng thời quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng tạo ra điều kiện, tiền đề quy định tính định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội (gồm tiền đề về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, đối ngoại). Cách mạng xã hội chủ nghĩa tuy là phương

hướng tiến lên nhưng lại có ảnh hưởng quyết định đến tính chất triệt để và tạo ra sức mạnh hùng hậu của cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong giai đoạn 1945-1954, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được biểu hiện ở chủ trương của Đảng: vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ dân chủ mới. Trong giai đoạn này, vấn đề bảo vệ độc lập dân tộc vẫn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, còn vấn đề giải phóng giai cấp, cách mạng ruộng đất được tiến hành sát hợp với tiến trình thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc và phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc. Mặt khác, trong quá trình lãnh đạo kháng chiến, Đảng còn chú ý tạo dựng tiền đề về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, đối ngoại cho chủ nghĩa xã hội với những chủ trương nhằm vừa củng cố chính quyền non trẻ vừa đưa đất nước thoát khỏi “nạn đói, nạn dốt, nạn ngoại xâm” tiến tới xây dựng một xã hội mới với những đặc trưng đã nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Trong giai đoạn 1954-1975, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội trong thể hiện ở việc tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Ở miền Bắc, chủ nghĩa xã hội không còn là định hướng mà là mục tiêu trực tiếp, vừa sản xuất vừa chiến đấu, chi viện sức người sức của cho cách mạng miền Nam, vừa xây dựng

chủ nghĩa xã hội vừa đấu tranh chống lại đế quốc Mỹ vì độc lập dân tộc của Nhân dân Việt Nam. Ở miền Nam, bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa với mục đích cuối cùng đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Dựa vào sức mạnh của chế độ mới được thiết lập ở vùng giải phóng miền Nam và chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Nhân dân Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để đi đến thắng lợi cuối cùng - hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tinh thần của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Đảng ta tiếp tục có sự bổ sung, phát triển nhận thức về kiên định gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Đại hội VI (1986) khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991) khẳng định bài học đầu tiên của cách mạng Việt Nam là: “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ

tịch Hồ Chí Minh phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”<sup>(2)</sup>. Nghị quyết Đại hội XIII đưa ra 4 kiên định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>(3)</sup>.

Thực hiện theo đường lối đó, trong giai đoạn 1975-1986, những giá trị của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa: bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây - Nam và phía Bắc; bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị; xây dựng hàng trăm công trình công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa lớn và hàng ngàn công trình vừa và nhỏ.

Sau 35 năm đổi mới, đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã chứng minh tính đúng đắn, khoa học của

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.70.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.109.

mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, chứng minh sức sống của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu của công cuộc đổi mới hiện thực hóa từng bước giá trị của chủ nghĩa xã hội, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; đồng thời, củng cố nền độc lập dân tộc. Trong khi tập trung xây dựng và phát triển đất nước bền vững, Đảng phải độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối trên cơ sở tình hình thực tiễn của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, cuộc sống của Nhân dân, bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay với những thuận lợi, khó khăn, thách thức của tình hình trong nước và thế giới, Đảng ta vẫn chủ trương tiếp tục kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội đi lên xã hội cộng sản.

Tóm lại, thực tiễn cách mạng Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm cơ bản trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, trong đó có nội dung về mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng. Ngày nay trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế để thực hiện thành công phương hướng tiến lên của đất nước mà Đại

hội XIII của Đảng vạch ra, chúng ta cần tiếp tục vận dụng những luận điểm cơ bản được vạch ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đặc biệt là vấn đề mục tiêu của cách mạng. Nói cách khác những luận điểm cơ bản được vạch ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng trong bối cảnh hiện nay vẫn còn tính thời sự và giá trị định hướng cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998,t.2.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - Các tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam (tập 3)*, Nxb. Lý luận chính trị, H.2021.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, H. 2021. ■

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NINH THUẬN

❖ Nguyễn Thị Ngà

[GV. Khoa Nhà nước - Pháp luật]

**Tóm tắt:** *Đổi mới phương pháp dạy học tích cực, hiện nay là một tất yếu khách quan nhằm đạt được yêu cầu giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Bài viết nêu lên thực trạng việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực của đội ngũ giảng viên trẻ Trường chính trị tỉnh Ninh thuận, và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực của đội ngũ giảng viên trẻ.*

**Từ khóa:** *Phương pháp; giảng viên trẻ; thực trạng; giải pháp*

Phương pháp dạy học tích cực hiện đang được đông đảo các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo và toàn xã hội quan tâm. Đã có nhiều nghiên cứu về cơ sở lý luận cũng như sự cần thiết phải sử dụng phương pháp này, tuy nhiên áp dụng phương pháp tích cực vào thực tiễn dạy học trong mỗi loại hình trường cũng như ở các môn học cụ thể vẫn còn là vấn đề cần nghiên cứu, trao đổi.

Khái niệm “phương pháp tích cực” thường được sử dụng trong giáo dục theo nghĩa khái quát, nó được xem như các nguyên tắc hay

bao gồm các phương pháp dạy học, giáo dục được tiến hành theo hướng phát huy tính chủ động tích cực của người học; phương pháp tích cực hoá hoạt động học tập; phương pháp hoạt động hoá người học, phương pháp học tập chủ động.

Trong khái niệm phương pháp tích cực, từ *tích cực* được dùng với nghĩa là chủ động, hoạt động, trái nghĩa với *bị động* mà không dùng trái nghĩa với *tiêu cực*. Tính tích cực biểu hiện trong hoạt động chủ động của người học. Vì thế, có thể hiểu *phương pháp dạy học tích cực là phương pháp dạy học hướng tới việc học tập chủ động, chống lại thói quen học thụ động*. Tuy nhiên, theo chúng tôi, giữa phương pháp tích cực và phương pháp thụ động không có một ranh giới tuyệt đối trong thực tiễn. Ngay cả các phương pháp cổ điển cũng bắt buộc phải có sự tham gia hoạt động của người học: sự chú ý, thấu hiểu vấn đề, động cơ học tập hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thúc đẩy việc học,... Như vậy, phương pháp dạy học tích cực không phải là phương pháp dạy học cụ thể mà là một nguyên tắc, một phương hướng tiến hành dạy

học theo hướng đề cao hoạt động làm chủ kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học.

Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận với chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương<sup>(1)</sup>. Trên cơ sở chức năng được giao, Nhà Trường luôn xác định nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần tích cực trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, hướng tới mục tiêu là tạo được sự thay đổi về chất trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn. Đào tạo, bồi dưỡng tập trung trang bị những kiến thức, kỹ năng, thái độ thực hiện công việc cho cán bộ, công chức,

viên chức; trong đó, cung cấp những kiến thức, lý luận cơ bản, trang bị kỹ năng, cách thức hoạt động thực thi công việc, giáo dục thái độ thực hiện công việc thể hiện sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm của người cán bộ, công chức, viên chức.

Với đặc điểm của Trường là số lượng giảng viên trẻ chiếm tỷ lệ cao. Nhà trường đã đề ra nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên nói chung, giảng viên trẻ nói riêng về lý luận chính trị gắn với đào tạo theo yêu cầu, kỹ năng giải quyết công việc. Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trẻ là không ngừng đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, mỗi giảng viên trẻ đều có cách áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực khác nhau vào nội dung bài giảng của mình nhưng hầu hết đều có những thuận lợi và khó khăn nhất định.

### Về thuận lợi:

*Thứ nhất*, giảng viên trẻ là lực lượng được đào tạo cơ bản, năng động, sáng tạo, nhiệt huyết trong công tác, có khả năng tốt trong ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác giảng dạy. Đồng thời, giảng viên trẻ nhiệt tình, cởi mở, tạo được sức hút cho bài giảng; tạo được không khí học sôi nổi, hào hứng khác

(1) Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

hắn với tính chất một buổi học lý luận chính trị. Đây cũng là một trong những điều kiện thuận lợi trong việc vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng cho bài giảng.

*Thứ hai*, nhà trường đã tạo điều kiện cho giảng viên trẻ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sư phạm. Thông qua buổi tập huấn, giảng viên trẻ được hướng dẫn tổ chức lớp học theo hướng tích cực, phát huy được vai trò của người học; đồng thời, áp dụng uyển chuyển nhiều phương pháp dạy học nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

*Thứ ba*, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường như: máy chiếu, màn chiếu, máy vi tính,... ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho giảng viên.

Có thể nói, những thuận lợi trên đã góp phần quan trọng vào việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên nhà trường.

### **Về khó khăn:**

*Thứ nhất*, hiện nay, do nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh là rất lớn nên số học viên còn cao so với quy định. Với số lượng như vậy, việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực cũng phần nào bị hạn chế.

*Thứ hai*, về cơ sở vật chất nhà trường đã từng bước hoàn thiện hơn, tuy nhiên một số hội trường chưa thật sự đáp ứng đầy đủ cho việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực. Đơn cử như, máy chiếu mờ học viên không thấy rõ nội dung giảng viên trình chiếu. Đây là một trong những hạn chế dẫn đến sự tương tác không thành công giữa người dạy và người học.

*Thứ ba*, về độ tuổi, vị trí công tác, trình độ chuyên môn của các học viên không đồng đều; phần lớn học viên đã trải qua nhiều năm công tác, họ sẽ có cảm giác e ngại khi thảo luận, phát biểu khi giáo viên trẻ áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

Như vậy, với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, bản thân đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực cho đội ngũ giảng viên trẻ hiện nay.

### **Về phía nhà trường:**

Thường xuyên tổ chức đưa giảng viên trẻ đi tập huấn thêm về phương pháp dạy học tích cực, đồng thời, tiếp tục hỗ trợ cho giảng viên trẻ trong việc trang bị phương tiện hỗ trợ giảng dạy,...

Cần đổi mới quy trình và hình thức đánh giá kết quả học tập của học viên. Việc đánh giá kết quả học tập của học viên nên theo quá trình học tập của học viên, chứ không chỉ dừng

lại ở công đoạn cuối cùng là thi cử. Nếu áp dụng cách thức đánh giá học tập theo quá trình, học viên sẽ tích cực tham gia vào quy trình dạy học và đó cũng là điều thuận lợi cho việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

### **Về phía giảng viên trẻ:**

Phải nắm được đối tượng học viên và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy. Trên cơ sở đó, giảng viên chủ động có kế hoạch cho từng bài giảng, tiết giảng sẽ sử dụng những phương pháp nào, thiết bị gì cho phù hợp thì sẽ đạt được hiệu quả cao. Trong giai đoạn hiện nay, mỗi giảng viên phải chủ động suy nghĩ tìm tòi, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả. Một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với giảng viên lý luận chính trị là phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong nghiên cứu và giảng dạy. Các phương tiện đó bao gồm: Vi tính, video, đèn chiếu,... Các phương tiện này nhằm bổ sung và làm phong phú thêm nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của học viên. Đổi mới phương pháp giảng dạy cần gắn liền với nghiên cứu khoa học. Người giảng viên trường chính trị cần chú trọng nghiên cứu khoa học và xem đây là một nhiệm vụ không thể thiếu trong đổi mới phương pháp.

Để khắc phục sự khó khăn trong trường hợp sĩ số lớp quá đông, giảng viên trẻ nên chọn lọc phương pháp giảng dạy tích cực cho phù hợp, cụ thể có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp: hỏi đáp, đóng vai, tình huống, hỏi ý kiến, làm việc nhóm,... Nếu giảng viên trẻ áp dụng những phương pháp không phù hợp với quy mô lớp học, thời gian trong tiết học như phương pháp công đoạn, phương pháp mảnh ghép sẽ có tác dụng ngược trở lại đối với những giờ lên lớp.

Đồng thời, giảng viên trẻ phải rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc, tránh sự ức chế, biết cách khuyến khích, khen ngợi, khơi lên ngọn lửa học tập ở mỗi học viên; sử dụng hiệu quả ngôn ngữ hình thể như ánh mắt, nụ cười tạo sự thân thiện, gần gũi với người học. Đây cũng là giải pháp hữu hiệu khắc phục trường hợp người học có thói quen thụ động, thiếu sự hợp tác với giảng viên.

Tóm lại, thành công của một bài giảng không chỉ phụ thuộc vào lượng kiến thức giảng viên truyền đạt mà còn phụ thuộc vào phương pháp truyền tải nội dung đó đến người học. Do đó sau mỗi giờ lên lớp, giảng viên trẻ phải tự mình đúc, rút kinh nghiệm, học cách lắng nghe và tìm ra những giải pháp hữu hiệu khắc phục những hạn chế, khó khăn mà chính bản thân mình trải nghiệm. ■

# CHUYỂN ĐỔI SỐ - XU HƯỚNG TẤT YẾU CỦA VIỆT NAM

❖ Nguyễn Thị Lành

[GV. Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể]

**Tóm tắt:** Chuyển đổi số là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay, đó là cơ hội bứt phá cho Việt Nam vượt lên trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và mỗi một người dân.

**Từ khóa:** chuyển đổi số; tất yếu; quốc gia số.

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là một khái niệm đã được đề cập kể từ khi công nghệ số ra đời vào những năm 1980, tuy nhiên, đến nay chưa thống nhất một định nghĩa chung dẫn đến nhiều tổ chức, doanh nghiệp có những định nghĩa riêng của mình. Nhưng theo nghĩa phổ quát nhất, chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau.

Như vậy, xét ở góc độ bao quát nhất, khái niệm chuyển đổi số bao gồm những nội hàm chính như sau:

**Một:** Chuyển đổi số đề cập đến các chuyển đổi được kích hoạt bởi việc áp dụng rộng rãi công nghệ số trong việc tạo ra, xử lý, chia sẻ và truyền tải thông tin.

**Hai:** Chuyển đổi số được xây dựng dựa trên sự phát triển của nhiều công nghệ: mạng viễn thông (mạng di động hoặc cố định), công nghệ máy tính

(máy tính/laptop, thiết bị không dây/ máy tính bảng), công nghệ phần mềm (hệ điều hành, máy học, trí thông minh nhân tạo) và hiệu ứng lan tỏa từ việc sử dụng chúng (nền tảng chung cho phát triển ứng dụng, các dịch vụ trực tuyến của chính phủ, thương mại điện tử, mạng xã hội và tính sẵn có của thông tin trực tuyến).

**Ba:** Chuyển đổi số tập trung vào việc tận dụng những lợi ích của công nghệ thông tin và truyền thông trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm cải thiện chất lượng sống của người dân, tăng tốc độ phát triển kinh tế, thúc đẩy đất nước phát triển.

**Bốn:** Chuyển đổi số có tác động ở nhiều cấp độ: cấp độ cá nhân (nhận thức, hành vi, lối sống, mối quan hệ,...), cấp độ tổ chức (văn hóa, mô hình, phương thức hoạt động, năng lực,...) và cấp độ quốc gia (thể chế, chính sách, phương thức hoạt động của chính phủ,...).

Biểu hiện rõ nhất của chuyển đổi số là ở ba phương diện: kinh tế, dịch vụ công và công dân số.

Sau hơn 35 năm thực hiện đổi mới, kinh tế - xã hội Việt Nam đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình với GDP bình quân đầu người đạt 3.717 USD vào năm 2021 và

là một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước từ 58% năm 1993 xuống chỉ còn 2,23% năm 2021 tính theo chuẩn mới<sup>(1)</sup>. Tuy nhiên, so với các nước phát triển, Việt Nam vẫn là nước có mức thu nhập trung bình, mức độ cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Năng suất lao động người Việt Nam còn rất thấp, ngay cả so với các nước trong khu vực<sup>(2)</sup>. Nguyên nhân chính của năng suất lao động thấp là năng lực của người lao động còn thấp, mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất kinh doanh hạn chế. Theo đánh giá về chỉ số nguồn nhân lực của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) đối với các nước Đông Nam Á năm 2020, 41% nguồn nhân lực của Việt Nam được đánh giá có kỹ năng thấp, chỉ có 10% được đánh giá có kỹ năng cao. Theo báo cáo “Mức độ sẵn sàng cho tương lai của ngành sản xuất” được WEF công bố vào tháng 01/2020, Việt Nam không nằm trong nhóm các quốc gia sẵn sàng cho nền kinh tế sản xuất tương lai; trong đó, một số chỉ số được đánh giá yếu kém như “Chỉ số công nghệ và đổi mới” xếp hạng thứ 90/100; chỉ số “Vốn con người” xếp hạng thứ 70/100. Các chỉ số thành phần như “Tiếp thu công nghệ ở doanh nghiệp”, “Tác động của công nghệ thông tin và truyền thông đến dịch vụ và sản phẩm mới”, “Năng lực

đổi mới” xếp hạng lần lượt là 78/100, 70/100 và 77/100. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang đứng trước thách thức về mất việc làm trong bối cảnh chịu sự tác động của trí tuệ nhân tạo (AI), cũng như rô-bốt. Cụ thể, theo Tổ chức Lao động quốc tế, khoảng 70% việc làm ở Việt Nam có nguy cơ cao bị thay thế bởi tự động hóa trong hai thập kỷ tới. Việt Nam được xác định là quốc gia có nguy cơ cao bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tỷ lệ cao nhân công làm việc trong các lĩnh vực may mặc, nông nghiệp và bán lẻ, đây là những ngành có rủi ro bị thay thế cao. Do đó, để tiếp tục có những bước phát triển đột phá trong giai đoạn mới, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển, vượt khỏi bẫy thu nhập trung bình, bắt buộc chúng ta phải có những nỗ lực, quyết tâm mới, phải bút phá để thực hiện khát vọng Việt Nam hùng cường. Một trong những giải pháp căn cơ, nền tảng nhất là chúng ta phải chuyển đổi số mạnh mẽ, đi đầu khu vực trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Với sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, trong những năm qua Việt Nam đã đạt được những thành quả cơ bản trong thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Về xây dựng Chính phủ số, đến nay, hầu hết dịch vụ công trực tuyến (khoảng 98%) đủ điều kiện đã được cung cấp trực tuyến mức độ 4, gần 68% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến<sup>(3)</sup>; nhiều địa

(1) Tổng cục thống kê: niên giám thống kê năm 2021, Nxb. Thống kê, H.2022

(2) Báo cáo phân tích từ số liệu của Tổng cục Thống kê: năng suất lao động bình quân của một người Việt Nam bằng 1/23 người Xingapo, bằng 1/6 người Malaixia, bằng 1/3 người Thái Lan

(3) Bộ thông tin và truyền thông: *Báo cáo chuyên đề tuần 40* - “Dịch vụ công trực tuyến” (Tài liệu tham khảo phục vụ Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số), H.2022

phương đã có những sáng kiến, cách làm hay để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến (19 tỉnh, thành phố<sup>(4)</sup> đã ban hành văn bản giao chỉ tiêu cho từng cơ quan nhà nước trên địa bàn về dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến; 7 tỉnh, thành phố<sup>(5)</sup> ban hành chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến).

Bên cạnh đó các trụ cột về kinh tế số, xã hội số Việt Nam tuy phát triển tự phát trong thời gian qua nhưng tăng trưởng khá nhanh. Nguyên nhân là do: hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin khá tốt, phủ sóng rộng, mật độ người dùng cao; người Việt Nam ham mê công nghệ, thích sử dụng công nghệ vào loại cao nhất trong khu vực; dân số Việt Nam trẻ, được đào tạo tốt, học toán tốt và lao động chăm chỉ; tính cách người Việt Nam thích ứng nhanh với sự thay đổi. Đây là lợi thế Việt Nam khi chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Việt Nam cũng đang có những cơ hội rất lớn để phát triển kinh tế số. Việt Nam là thị trường lớn, nhiều tiềm năng cho các mô hình kinh doanh mới, với dân số đông, đang trong giai đoạn

cơ cấu dân số vàng, có lực lượng lao động lớn, có số người dùng internet và điện thoại thông minh lớn và đang tăng nhanh sẽ tạo nên những thị trường hấp dẫn cho kinh tế số. Chúng ta cũng nằm tại trung tâm của Đông Nam Á, của châu Á, khu vực được đánh giá sẽ là trung tâm phát triển công nghệ số và kinh tế số toàn cầu. Nền kinh tế số của Việt Nam hiện đang có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á. Mặt khác, Báo cáo về Chỉ số xã hội số của Hiệp hội Hệ thống Thông tin Di động Toàn cầu GSMA (tháng 8/2022) cho thấy Việt Nam xếp thứ 7 trong các quốc gia thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương về xã hội số (sau Ôxtrâyliya, Hàn Quốc, Xingapo, Nhật Bản, Thái Lan và Malaixia); xếp thứ 5 điểm số về trụ cột thương mại số (Digital commerce) và xếp thứ 7 điểm số về phong cách sống số (Digital lifestyle). Với con số này, Việt Nam dự kiến tiếp tục xếp hạng thứ 7.

Tuy nhiên, chuyển đổi số ở Việt Nam cũng đang đối mặt với những tồn tại, hạn chế và thách thức lớn, điển hình như: (1) Hệ thống thể chế, pháp luật chưa tạo thuận lợi cho phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; (2) Việc thực thi quản lý nhà nước, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số còn bất cập; (3) Kỹ năng số và nguồn nhân lực số chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; (4) Năng

(4) Các tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản giao chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến: Hòa Bình, Long An, Đắk Lắk, thành phố Hải Phòng, Khánh Hòa, Thái Nguyên, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Nông, Lạng Sơn, Sơn La, Bắc Kạn, Bến Tre, thành phố Cần Thơ, Quảng Ngãi, Cao Bằng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Phú Yên, Quảng Ninh

(5) Các tỉnh, thành phố ban hành chính sách khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến: TP. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Thái Bình, Quảng Ngãi, Thái nguyên, Bắc Giang, Long An.

lực chuyển đổi số của doanh nghiệp còn yếu; lực lượng doanh nghiệp nền tảng số đông nhưng chưa mạnh, các nền tảng số Made in Việt Nam còn non trẻ lại bị cạnh tranh gay gắt từ bên ngoài; (5) Đặc biệt, chúng ta chưa có lộ trình thực hiện chiến lược tổng thể của quốc gia về chính phủ số và phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trước những thời cơ và thách thức trên, nhằm nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của chuyển đổi số và thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 505/QĐTTg, theo đó lựa chọn ngày 10 tháng 10 hàng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Trên tinh thần đó, trường Chính trị Ninh Thuận cũng đang bước đầu xây dựng nền tảng để thực hiện chuyển đổi số. Hoạt động quản lý văn bản và hồ sơ công việc trên phần mềm ứng dụng E-office đã được triển từ năm 2021 đã góp phần rút ngắn thời gian xử lý và tiết kiệm chi phí trong việc in ấn tài liệu. Các đơn vị phòng, khoa, Đoàn Thanh niên,... đều dựa trên các nền tảng mạng xã hội như Zalo để thực hiện việc quản lý công việc trực tuyến. Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, trường đã nhanh chóng tập huấn cho đội ngũ viên chức sử dụng phần mềm trực tuyến để giảng dạy và quản lý học viên, kịp thời thích

nghi với tình hình mới. Trang thông tin điện tử của Trường được đưa vào hoạt động qua đó, kịp thời cung cấp thông tin về hoạt động của nhà trường. Về cơ sở vật chất phục vụ cho chuyển đổi số cũng được đầu tư: hệ thống máy chiếu giảng đường được thường xuyên tu bổ, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập, đội ngũ viên chức trường được trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối mạng internet để phục vụ cho quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, những kết quả trên còn rất khiêm tốn so với yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường mà trong đó, trọng tâm là chất lượng dạy và học. Trên quan điểm xác định chuyển đổi số là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi một người dân, trong thời gian tới các hoạt động chuyển đổi số của nhà trường cần phải tiếp tục được đẩy mạnh và toàn diện. Trong đó, trước hết là đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đối với cả viên chức nhà trường và đội ngũ học viên. Tiếp tục xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số với nội dung và thời gian cụ thể. Các nội dung cần chú trọng như: quản lý hoạt động chuyên môn thông qua số hóa các bảng biểu, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các phòng, khoa để lưu trữ và sử dụng tài liệu đã được số hóa (điểm thi, danh sách lớp,...), quản lý học viên thông qua cấp mã học viên (sử dụng mã học viên như tài khoản định danh), chú trọng xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho chuyển đổi số,... ■

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN CHI ĐOÀN TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

❖ Thái Lê Minh Trang

[GV. kiêm chức phòng QLĐT&NCKH]

**Tóm tắt:** Việc chuyển đổi số có ý nghĩa quan trọng đang trở thành xu thế tất yếu, tác động mạnh mẽ tới các quốc gia, khu vực. Thanh niên được kỳ vọng là lực lượng có mang lại giá trị to lớn vào quá trình này. Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận với tinh thần xung kích, nhiệt huyết đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác chuyển đổi số của tỉnh và trong công tác chuyên môn của nhà trường. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Tác giả đưa ra 03 giải pháp nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong nhà trường

**Từ khóa:** Chuyển đổi số; Đoàn viên thanh niên; Trường chính trị.

Cùng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học công nghệ đã có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống xã hội. Chính vì vậy, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi số đang là xu thế tất yếu. Công cuộc chuyển đổi số vừa là thách thức vừa là cơ hội để đất nước phát triển bức phá vượt lên.

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Ngày 29/11/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025,

tầm nhìn đến năm 2030 nhấn mạnh vai trò quan trọng trong chuyển đổi số, “Đề chuyển đổi số thành công cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị”. Nhận thức được tầm quan trọng của Chuyển đổi số, năng động, sáng tạo, nhạy bén với khoa học - công nghệ, thanh niên được kỳ vọng là lực lượng đi đầu trong chuyển đổi số, làm chủ công cuộc xây dựng và phát triển mọi lĩnh vực trong tương lai. Bởi những người trẻ có điều kiện tiếp cận và ứng dụng công nghệ nhanh hơn thế hệ đi trước nên đóng vai trò quan trọng trong chuyển đổi số.

Thời gian qua, các tổ chức Đoàn trong cả tỉnh Ninh Thuận đã tích cực, chủ động, tiên phong tham gia vào quá trình xây dựng chính phủ số, xã hội số; nâng cao năng lực số cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Chủ đề công tác năm 2023 được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xác định là “Năm chuyển đổi số các hoạt động của Đoàn”; Tháng Thanh niên năm 2023 mang chủ đề: “Tuổi trẻ tiên phong chuyển đổi số”. Có thể thấy đây là quyết tâm lớn của tổ chức Đoàn các cấp trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò, thế mạnh của thanh niên tham gia thực hiện chuyển đổi số.

Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trực thuộc Đoàn Khối các

cơ quan tỉnh, là một trong những chi đoàn tiêu biểu, đi đầu trong các hoạt động của Đoàn Khối. Với 09/09 đồng chí đoàn viên là viên chức sinh hoạt động trong môi trường chính trị, nơi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho tỉnh. Đây là cơ sở đào tạo cán bộ duy nhất của tỉnh về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Chi đoàn gồm những thanh niên trẻ tuổi, nhiệt huyết với tuổi đời trung bình là 31 tuổi, trong đó, đoàn viên trẻ tuổi nhất là 28 tuổi, lớn nhất là 34 tuổi; 07/09 đoàn viên là giảng viên thuộc các khoa chuyên môn; 02/09 đoàn viên là giảng viên kiêm nhiệm phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học; 02/09 đoàn viên là viên chức khối phòng. Có thể thấy rằng, Đoàn viên chi đoàn là người sử dụng công nghệ phổ biến và có kinh nghiệm sử dụng các ứng dụng, phần mềm, thiết bị kỹ thuật số trong cuộc sống hàng ngày. Việc áp dụng kinh nghiệm này vào công việc sẽ giúp nâng cao hiệu quả và tốc độ triển khai chuyển đổi số trong nhà trường. Với chủ đề công tác năm “Năm chuyển đổi số các hoạt động của đoàn” Chi đoàn Trường Chính trị Ninh Thuận thực hiện

tốt các nhiệm vụ do Đoàn khởi đề ra. Thường xuyên ứng dụng mạng xã hội trong chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, phổ biến các nội dung công tác Đoàn, tổ chức cuộc thi trực tuyến, tham gia tập huấn kiến thức về chuyển đổi số. Chi đoàn trường nỗ lực quyết tâm đồng hành thực hiện chương trình đoàn khối phát động liên quan đến chuyển đổi số. Đoàn viên ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác, nhiều ứng dụng tiện lợi như ứng dụng quản lý hồ sơ, dữ liệu, ứng dụng zalo trao đổi công việc, lưu trữ, gửi file. Gần đây nhất, chi đoàn Trường hỗ trợ phát động chương trình thanh toán không dùng tiền mặt bằng hình thức tuyên truyền đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và những người xung quanh.

Đối với công tác chuyên môn, chuyển đổi số thực chất đã len lỏi vào trong các hoạt động của nhà trường từ những năm trước. Cụ thể, năm 2021, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trường có tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Microsoft Team nhằm phục vụ công tác giảng dạy trực tuyến. Cũng trong thời gian đó, giáo trình trung cấp lý luận chính trị mới xuất bản, trước tình hình thực tiễn giảng viên các Trường Chính trị tham gia tập huấn giáo trình mới bằng hình thức trực tuyến. Bên cạnh đó, chuyên viên phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học phối hợp với phòng kỹ thuật điểm danh học viên thông qua camera giám sát.

Tuy nhiên, trước đòi hỏi ngày càng cao về công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý học viên hiện nay, đoàn viên thanh niên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận vẫn chưa thật sự áp dụng công nghệ thông tin nhiều trong bài giảng, phần lớn vẫn sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống; đồng thời đổi mới hoạt động của khối phòng, vẫn chưa tối ưu trong công tác quản lý học viên, lưu trữ hồ sơ tài liệu một cách có hệ thống, bài bản bằng việc tận dụng các phần mềm điện tử hỗ trợ. Qua đó, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của đoàn viên, góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong nhà trường như sau:

*Một là*, chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận tích cực thực hiện theo công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường trong việc thực hiện chuyển đổi số gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Bên cạnh đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ giảng viên, viên chức nhà trường về kiến thức, kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ, tin học đảm bảo công tác quản lý, giảng dạy một cách chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của nhà trường; triển khai đồng bộ công nghệ số trong dạy - học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học; quản lý; thư viện số; tài liệu số,... tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, học viên tiếp cận thông tin nhanh chóng, chính xác.

*Hai là*, đoàn viên thanh niên luôn không ngừng học tập, nghiên cứu, tìm hiểu và nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số. Tham gia và tổ chức các hội thảo, hội nghị cho cán bộ, đoàn viên thanh niên, người lao động tại đơn vị để tuyên truyền, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số, gắn với nhiệm vụ giảng dạy số, quản lý số và học tập số đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện nay.

*Ba là*, chi đoàn Trường Chính trị bên cạnh việc tích cực trong mọi phong trào, chương trình chuyển đổi số do Đoàn cấp trên phát động, còn phải nghiên cứu, vận dụng các giải pháp chuyển đổi số để áp dụng cho nhà trường. Chủ động tham mưu, góp ý cho lãnh đạo đơn vị đưa ra các giải pháp giúp thúc đẩy công tác Chuyển đổi số. Phối hợp với chuyên môn áp dụng chuyển đổi số nâng cao hiệu quả công việc.

Tóm lại, để kịp thời và không đi sau trong mục tiêu chuyển đổi số quốc gia, đoàn viên thanh niên được kì vọng là lực lượng trẻ, năng động sáng tạo đóng góp tích cực vào quá trình này. Chính vì vậy, bên cạnh việc mỗi đoàn viên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận không ngừng học tập, nỗ lực rèn luyện để có tư duy, hành động phù hợp góp phần đẩy nhanh hiệu quả chuyển đổi số trong nhà trường, còn cần có sự lãnh chỉ đạo, quan tâm sâu sắc của lãnh đạo nhà trường và sự đồng thuận, quyết tâm cao của toàn thể viên chức để thực hiện chuyển đổi số trong mọi hoạt động của đơn vị. ■

# VÀI Suy nghĩ về VIỆC HOÀN THIÊN QUY ĐỊNH VỀ CHỨNG THỰC TRONG NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2015/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

❖ Nguyễn Thành Linh

[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

**Tóm tắt:** Chứng thực là một hoạt động hành chính - tư pháp rất phổ biến trong đời sống và quản lý nhà nước. Bài viết nêu ra một số nội dung về chứng thực trong Nghị định số 23/2015/NĐ-CP còn chưa phù hợp; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về chứng thực trong nghị định của Chính phủ nhằm tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động chứng thực trên phạm vi cả nước.

**Từ khóa:** chứng thực; hành chính - tư pháp; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP

Chứng thực là một hoạt động hành chính - tư pháp, rất phổ biến trong đời sống cũng như trong hoạt động quản lý nhà nước. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch đã khắc phục được một số hạn chế của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP trước đây như quy định rõ các trường hợp không được chứng thực chữ ký tránh sự lạm dụng của người dân trong việc yêu cầu chứng thực chữ ký thay

cho chứng thực hợp đồng, giao dịch; quy định về trình tự, thủ tục thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch....

Đồng thời, Nghị định 23/2015/NĐ-CP có nhiều quy định mới, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện chứng thực, tăng thẩm quyền cho UBND cấp xã<sup>(1)</sup>, đơn giản các thủ tục,... Từ đó, Nghị định 23/2015/NĐ-CP đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi yêu cầu chứng thực hoặc thực hiện các hợp đồng, giao dịch dân sự, nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, những nơi chưa có tổ chức hành nghề công chứng.

Tuy nhiên, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập qua quá trình thực thi như: chưa định nghĩa rõ về chứng thực, giá trị pháp lý của văn bản điều chỉnh hoạt động chứng thực, thủ tục chứng thực chữ ký không có sự thống nhất với quy định khác có liên quan, thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch còn đơn giản,... ảnh hưởng không nhỏ tới thực tiễn thi hành. Cụ thể là:

(1) Ví dụ: UBND xã có thể chứng thực hợp đồng, giao dịch; chứng thực di chúc, văn bản từ chối nhận di chúc...

Một là, về định nghĩa chứng thực.

Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực định nghĩa về chứng thực<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không có định nghĩa về chứng thực, mà chỉ liệt kê 03 hoạt động chứng thực cụ thể: chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch. Điều này dẫn tới thực tế đó là người dân không thực sự hiểu rõ bản chất của chứng thực cũng như bị nhầm lẫn giữa hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực. Trong khi đó chứng thực chỉ là sự chứng nhận về mặt hình thức đối với các giấy tờ, văn bản, hợp đồng, giao dịch còn công chứng là sự chứng nhận về mặt nội dung của hợp đồng, giao dịch và bản dịch theo quy định của Luật Công chứng 2006.

Hai là, về chứng thực bản sao từ bản chính.

Hiện nay, có xảy ra tình trạng một số cơ quan tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính tự đặt ra thời hạn sử dụng bản sao có chứng thực (không tiếp nhận bản sao đã được chứng thực quá 6 tháng) không chỉ làm phát sinh chi phí (cả về thời gian và kinh phí) của người dân mà còn

làm gia tăng áp lực cho các cơ quan thực hiện chứng thực. Về vấn đề này, ngày 23/9/2022 Bộ Tư pháp có văn bản số 3574/BTP-HTQTCT về việc trả lời kiến nghị của công dân, trong đó khẳng định: “Hiện nay, pháp luật chứng thực không quy định về thời hạn sử dụng bản sao chứng thực từ bản chính. Như vậy, bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu khi chứng thực”. Tuy nhiên, cần quy định trực tiếp nội dung này trong Nghị định của Chính phủ để đồng bộ, thuận tiện cho người dân.

Bên cạnh đó, Điều 14 Nghị định 23/2015 quy định về chế độ lưu trữ trong hoạt động chứng thực không đặt ra yêu cầu lưu trữ đối với bản sao được chứng thực. Tuy nhiên, thực tế lại phát sinh trường hợp bản sao đã được chứng thực nhưng người yêu cầu chứng thực có hành vi gian dối sửa chữa bản sao sau khi đã được chứng thực. Nếu không lưu trữ bản sao thì cơ quan thực hiện chứng thực lại không có cơ sở để đối chiếu khi có tranh chấp, sai sót xảy ra,... Đặc biệt, việc nhận biết giấy tờ giả hiện nay cũng rất khó khăn do việc làm giả rất tinh vi, khó phát hiện nhất là trong thời đại công nghệ thông tin, điều này càng khó khăn hơn đối với các loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

(2) Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 75/2000/NĐ-CP.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính đối với các văn bản, giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. Tuy nhiên thực tế, văn bản được thiết lập hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài thì nhiều đơn vị UBND cấp xã không tiếp nhận yêu cầu này mà hướng dẫn về Phòng Tư pháp hoặc tổ chức hành nghề công chứng do không đảm bảo về mặt nội dung của văn bản. Điều này dẫn tới quy định trên bị vô hiệu hóa và không phù hợp với thực tế.

Ba là, về chứng thực hợp đồng, giao dịch

Thứ nhất, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã bổ sung nhiều quy định mới so với Nghị định số 79/2007/NĐ-CP trước đây trong đó có các quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch bảo đảm cải cách hành chính theo hướng phân cấp, giảm nhiều loại giấy tờ trong thủ tục chứng thực. Cụ thể, hồ sơ yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch chỉ cần 03 loại giấy tờ: Dự thảo hợp đồng, giao dịch; Bản sao Chứng minh nhân dân/hộ chiếu của các bên; bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng đối với các tài sản cần phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng<sup>(3)</sup>. Việc quy định hồ sơ yêu cầu chứng thực

đơn giản dẫn tới phát sinh vướng mắc trong thực tế đó là cơ quan thực hiện chứng thực thường quy định thêm một số loại giấy tờ để đảm bảo sự chặt chẽ đặc biệt trong trường hợp chứng thực các loại hợp đồng, giao dịch liên quan đến thừa kế yêu cầu phải có Giấy khai sinh, hộ khẩu,... để chứng minh quan hệ với người để lại di sản.

Thứ hai, các trường hợp chứng thực về văn bản khai nhận di sản thừa kế, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không có quy định thời gian niêm yết, dẫn đến nhiều địa phương lúng túng. Trong khi đó, các văn bản chứng thực trước đây như Nghị định số 75/2000/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT- BTP-BTNMT lại quy định rõ thời gian niêm yết là 30 ngày<sup>(4)</sup>; bên cạnh đó, Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn cũng quy định đối với loại việc này phải có niêm yết trong thời gian 15 ngày<sup>(5)</sup>.

Thứ ba, theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch;

(4) Tiểu mục 3.3, mục II Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT- BTP-BTNMT

(5) Điều 18 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

(3) Khoản 1, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP

người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định này có thể được hiểu rằng người thực hiện chứng thực chỉ quan tâm về mặt hình thức, điều này dẫn tới không rà soát kỹ nội dung hợp đồng, giao dịch ảnh hưởng lớn đến an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, thương mại.

Để các quy định về hoạt động chứng thực được hoàn thiện và phù hợp với thực tế, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

*Thứ nhất*, cần quy định định nghĩa chứng thực theo hướng xác định rõ chứng thực là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận về hình thức các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật. Từ đó có các cơ quan quản lý và người dân cách nhìn nhận rõ hơn về bản chất của hoạt động chứng thực, tránh nhầm lẫn với hoạt động công chứng.

*Thứ hai*, về hoạt động chứng thực bản sao từ bản chính. Cần quy định cụ thể thời hạn sử dụng bản sao có chứng thực, theo đó bản sao chứng thực có giá trị không xác định về thời hạn - trừ các trường hợp liên quan đến giá trị pháp lý của bản chính; đồng thời quy định cơ quan chứng thực phải lưu trữ 01 bản để đối chiếu

khi cần thiết thời hạn lưu trữ từ 02 năm trở lên.

*Thứ tư*, hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch. Bộ Tư Pháp cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về hồ sơ yêu cầu chứng thực đối với từng loại tài sản và từng loại giao dịch; đồng thời bổ sung quy định về thời hạn niêm yết tối thiểu 15 ngày trong trường hợp chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản.

Hoạt động chứng thực là hoạt động phổ biến, đáp ứng nhu cầu hàng ngày của người dân, cũng như ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền của người dân. Chính vì lẽ đó, pháp luật về chứng thực nói chung và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP nói riêng cần phải có sự hoàn thiện, thống nhất và phù hợp với thực tế hơn nữa nhằm tạo ra hành lang pháp lý trong tổ chức và thực hiện hoạt động chứng thực.

Đồng thời, chứng thực là một hoạt động rất phổ biến trong số các hoạt động hành chính - tư pháp. Việc nghiên cứu các hạn chế và đề xuất một số các giải pháp nhằm hoàn thiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP có giá trị trong việc bổ sung thực tiễn vào bài giảng (Bài 7 - Quản lý hành chính - tư pháp ở cơ sở, học phần D.II); từ đó nâng cao chất lượng bài, góp phần xứng đáng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của giảng viên. ■

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở NINH THUẬN HIỆN NAY

❖ Võ Thị Kim Loan

[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

**Tóm tắt:** Phát triển bền vững du lịch cộng đồng là hướng đi phù hợp với định hướng phát triển du lịch của nước ta đến năm 2030. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích một số vấn đề cơ bản của du lịch cộng đồng ở Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm phát triển loại hình du lịch này ở tỉnh Ninh Thuận.

**Từ khóa:** Phát triển; du lịch cộng đồng; Ninh Thuận.

Du lịch cộng đồng hiện đang là loại hình du lịch mang lại nhiều lợi ích bền vững cho các địa phương. Hình thức du lịch này không chỉ giúp người có sinh kế ổn định mà còn bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy những nét văn hóa độc đáo của địa phương. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã xác định: “Phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, tối đa hóa sự đóng góp của du lịch cho các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc”<sup>(1)</sup>. Để phát triển bền vững du lịch cộng đồng cần có nhận thức rõ những tác động tích cực và trái chiều của hình thức du lịch này, từ đó có giải pháp tác động phù hợp.

(1) Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020, Phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030

Du lịch cộng đồng được xuất hiện từ những năm 1970 và cho đến nay đã phát triển phổ biến ở hầu hết các châu lục, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Hiện nay, có nhiều quan niệm về hình thức du lịch này. Trong bộ “Tiêu chuẩn về du lịch cộng đồng” được các quốc gia Đông Nam Á đồng thuận năm 2016, du lịch cộng đồng là hình thức du lịch được sở hữu, vận hành, điều phối và quản lý bởi cộng đồng nhằm hướng tới việc cải thiện điều kiện kinh tế cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ sinh kế bền vững, duy trì và bảo vệ các truyền thống văn hóa xã hội có giá trị, cũng như các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Có thể thấy, xuyên suốt quan niệm về du lịch cộng đồng là việc thừa nhận sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương là điều kiện tiên quyết, hoạt động du lịch cộng đồng phải từ cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng. Tính chất cộng đồng là bản sắc tạo ra sự khác biệt với các loại hình du lịch khác.

Du lịch cộng đồng là mô hình kinh tế góp phần giải quyết công ăn việc làm, tạo thu nhập cho người dân từ những công việc truyền thống của mình. Phát triển du lịch cộng đồng góp phần làm

thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của các địa phương, đặc biệt bộ mặt hạ tầng các vùng nông thôn, miền núi được đầu tư nhiều hơn. Đồng thời, du lịch cộng đồng tạo liên kết bền vững nhiều ngành kinh tế lại với nhau, mở rộng thị trường cho các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; Thông qua, du lịch cộng đồng sẽ đánh thức những giá trị của cộng đồng địa phương, góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp của các địa phương, đó cũng là cách thức quảng bá hình ảnh của các địa phương, của quốc gia đến với bạn bè trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, du lịch cộng đồng cũng làm phát sinh không ít tiêu cực nếu không quản lý chặt chẽ. Trước hết là tác động của nó đến môi trường; cùng với đó, là nguy cơ dần đánh mất giá trị văn hóa truyền thống địa phương do sự du nhập, giao thoa các yếu tố văn hóa trong quá trình khai thác du lịch cộng đồng; đồng thời du lịch cộng đồng có thể làm gia tăng các tệ nạn xã hội.

Với lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, văn hóa phong phú, tỉnh Ninh Thuận đang nỗ lực phát triển du lịch cộng đồng, đưa tỉnh sớm trở thành điểm đến hấp dẫn với đa dạng các loại hình du lịch. Tỉnh Ninh Thuận có tiềm năng lớn để phát triển du lịch cộng đồng, bên cạnh cảnh quan thiên nhiên đa dạng có núi rừng, biển, đồng bằng, địa hình bán sa mạc, tỉnh có Vườn quốc gia Núi Chúa và Vườn quốc gia Phước Bình; Ninh Thuận còn là miền đất phong phú về lịch

sử, văn hóa, là điểm hội tụ của phong tục, truyền thống đồng bào Chăm và Raglai. Cùng với đó, nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc thù như nho, táo, tỏi, nha đam, măng tây xanh, cừu, dê... Đây là những sản phẩm đang được các địa phương tập trung khai thác để phát triển du lịch cộng đồng. Trong giai đoạn 2019-2022, Tỉnh đã triển khai Đề án hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng với tổng kinh phí thực hiện trên 20,4 tỷ đồng, thực hiện tại 13 điểm trên địa bàn như: Làng du lịch sinh thái dân tộc Raglai (huyện Bác Ái); du lịch làng nho Thái An (huyện Ninh Hải); hợp tác xã làng nghề gốm; làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào Chăm; vùng trồng rau và nho an toàn (huyện Ninh Phước); vùng cây ăn trái Lâm Sơn (huyện Ninh Sơn)... Các địa phương nằm trong đề án được đầu tư về hạ tầng giao thông nông thôn, xây dựng nhà sàn, nhà cộng đồng, cải tạo cảnh quan môi trường để phục vụ du lịch cộng đồng. Cùng với đầu tư hạ tầng, hiện nay tỉnh đang đẩy mạnh hỗ trợ tập huấn, đào tạo kỹ năng cho người dân địa phương làm du lịch, các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo điểm đến an toàn và xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch của các địa phương.

Trong 09 tháng đầu năm 2023, tỉnh đón khoảng 2.670.400 lượt khách du lịch tham quan, nghỉ dưỡng (tăng 21,7% so cùng kỳ, đạt 98,9% so kế hoạch). Trong đó, khách quốc tế ước đạt 29.600 lượt (tăng 268,2% so cùng

kỳ), khách nội địa ước đạt 2.640.800 lượt; thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch khoảng 2.170 tỉ đồng. Riêng tháng 9.2023, tổng lượt khách tham quan, nghỉ dưỡng ước đạt 130.000 lượt, trong đó khách quốc tế ước đạt 2.600 lượt, thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch khoảng 110 tỉ đồng.

Muốn phát triển bền vững du lịch cộng đồng trước tiên phải có sự quan tâm của các ngành, các cấp từ trung ương tới địa phương, phải được thể chế hóa theo tình hình thực tế. Cần phải có các chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp để phát triển du lịch cộng đồng thành một ngành kinh tế tổng hợp, mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao, đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Trong đó cần thực hiện tốt một số nội dung cụ thể sau:

*Một là*, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư các địa phương về du lịch cộng đồng. Cần tập trung tuyên truyền về vị trí, vai trò và lợi ích của du lịch cộng đồng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, cũng như đối với sinh kế của từng hộ gia đình. Chú trọng tuyên truyền quảng bá về tiềm năng, thế mạnh du lịch cộng đồng của từng địa phương như: về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, lịch sử, danh lam thắng cảnh... Nhận thức đầy đủ

những nguồn lợi to lớn đó, cộng đồng dân cư địa phương sẽ có hành động phù hợp, chung tay phát triển du lịch cộng đồng. Việc tuyên truyền cần được tiến hành thường xuyên, thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương, thông qua các trang mạng xã hội, qua hợp báo, tập gấp, tờ rơi... Chú trọng gắn kết quảng bá về du lịch cộng đồng trong các chương trình xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư của địa phương.

*Hai là*, các địa phương cần có quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cộng đồng. Quy hoạch phát triển du lịch cộng đồng phải nằm trong quy hoạch phát triển du lịch nói chung của địa phương, gắn kết với các quy hoạch phát triển kinh tế vùng, ngành, phát triển kết cấu hạ tầng và xây dựng nông thôn mới.

*Ba là*, các địa phương cần có bước đi phù hợp để giữ gìn, phát huy giá trị của tài nguyên du lịch cộng đồng, bởi du lịch cộng đồng luôn gắn liền với điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử của các địa phương. Do đó, cần chú trọng việc giữ gìn tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, các phong tục tập quán tốt đẹp theo đúng định hướng bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch. Có sự nghiên cứu đầy đủ, bài bản để phục dựng, bảo tồn các nét văn hóa đặc sắc, thu hút được sự quan tâm đặc biệt của du khách. Coi trọng làm giàu

những nét văn hóa độc đáo của từng hoạt động du lịch cộng đồng ở mỗi một nơi, để ra sự hấp dẫn đối với giới truyền thông và khách du lịch.

*Bốn là*, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ du lịch cộng đồng. Nhà nước và các địa phương cần đẩy mạnh đầu tư phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông tại các cụm du lịch, nâng cao khả năng kết nối giao thông tới khu du lịch.

Đồng thời, cần phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch cộng đồng, khuyến khích thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động toàn diện, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và kỹ năng nghề du lịch; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch tại điểm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương.

Các nội dung trên sẽ là nguồn tri thức trong hoạt động chuyên môn (giảng dạy), trong các nội dung bài giảng sẽ truyền tải các nội dung về lý luận và thực trạng vấn đề để phân tích các vấn đề có liên quan góp phần sâu sắc và toàn diện hơn những hiểu biết và

nhận thức về hoạt động quản lý du lịch ở địa phương. Nội dung trên có thể gắn kết với phân tích các khía cạnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương trong bài 2 “Chính quyền địa phương ở Việt Nam” thuộc phần C.II Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, đây cũng là nội dung trực tiếp dẫn chứng thực tiễn trong bài 6 “Quản lý hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch ở cơ sở” thuộc phần D.I Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và nội dung về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở bài “Bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay” thuộc phần E.III Kiến thức bổ trợ. Theo đó, với những nội dung nghiên cứu trên, giảng viên có thể lồng ghép, phân tích, dẫn chứng làm rõ các nội dung về chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở trong quản lý nhà nước ở các nội dung giảng dạy. Các nội dung trên cung cấp kiến thức thực tiễn và số liệu đối với thực trạng quản lý nhà nước về du lịch từ đó phục vụ việc giảng viên trong Khoa nghiên cứu, giảng dạy sinh động, thực tiễn.

Như vậy, du lịch cộng đồng cần tiếp tục được nhìn nhận đúng với vị trí, vai trò và tiềm năng để phát triển bền vững; có đóng góp tích cực để đưa du lịch tỉnh nhà nói riêng và Việt Nam nói chung “thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại”. ■

## MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐOÀN TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII, NHIỆM KỲ 2022-2027

❖ **Trịnh Thị Bích Ngân**

*[GV. Khoa Xây dựng Đảng, Đoàn thể]*

Từ ngày 14 đến ngày 16/12/2022, Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022-2027 đã diễn ra tại thủ đô Hà Nội với sự tham gia của 980 đại biểu là cán bộ, đoàn viên ưu tú đại diện cho hơn 22 triệu đoàn viên, thanh niên Việt Nam. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá kết quả công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ 2017-2022, xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ 2022-2027.

Đại hội Đoàn lần thứ XII có một số điểm mới, đó là:

Thứ nhất, về khẩu hiệu hành động: “Tuổi trẻ Việt Nam khát vọng - Tiên phong - Đoàn kết - Bản lĩnh - Sáng tạo. Khẩu hiệu đã thể hiện quyết tâm của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ mới với khát vọng vươn lên, ra sức phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, vững tâm thể đảm nhận vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, về mục tiêu tổng quát: Xây dựng thể hệ thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có ý chí tự cường, tự hào dân tộc; có lý tưởng cách mạng, hoài bão, khát vọng vươn lên xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; sức khỏe; văn hoá; kiến thức khoa học, công nghệ; kỹ năng sống, nghề nghiệp; ý chí lập thân, lập nghiệp;

năng động, sáng tạo. Phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong hội nhập quốc tế, chuyển đổi số quốc gia, góp phần hiện thực hoá mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quan tâm, chăm lo các nhóm thanh thiếu nhi yếu thế về cơ hội phát triển. Xây dựng Đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và hành động; nâng cao trách nhiệm phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

Mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2022-2027 đã bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mục tiêu trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030, gồm 3 thành tố: bồi dưỡng thanh niên; phát huy thanh niên và xây dựng Đoàn vững mạnh.

Thứ ba, về một số chỉ tiêu trọng tâm:

100% cán bộ đoàn, đoàn viên, 80% thanh niên được học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết, kết luận, chủ trương của Đoàn.

50 triệu lượt đoàn viên, thanh niên được tham gia các hoạt động tình nguyện do tổ chức Đoàn, Hội tổ chức.

250.000 ý tưởng, sáng kiến của đoàn viên, thanh niên được tổ chức Đoàn hỗ trợ triển khai, hiện thực hóa.

60% thanh thiếu nhi được tiếp cận các hoạt động nâng cao năng lực số do tổ chức Đoàn, Hội, Đội các cấp triển khai thực hiện. 50% thanh niên sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 70% thanh niên sử dụng tài khoản thanh toán điện tử.

100 triệu cây xanh được đoàn viên, thanh niên tham gia trồng mới.

300 thôn, bản khó khăn được đoàn viên, thanh niên tham gia hỗ trợ hoàn thành tiêu chí nông thôn mới.

15.000 tỉ đồng được hỗ trợ cho thanh niên vay vốn để khởi nghiệp, lập nghiệp, làm kinh tế. 7.000 dự án khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên được tổ chức Đoàn hỗ trợ.

20 triệu lượt thanh niên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm; 3 triệu thanh niên được giới thiệu việc làm.

7 triệu lượt thanh thiếu nhi tham gia các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế.

3 triệu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn được tổ chức Đoàn các cấp hỗ trợ.

50% đoàn viên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tỷ lệ đoàn kết tập hợp thanh niên đạt 68%.

1 triệu đoàn viên ưu tú được giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp. Các cấp bộ đoàn phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu do cấp ủy giao về kết nạp đảng viên mới từ đoàn viên.

Như vậy, hệ thống chỉ tiêu nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 12 chỉ tiêu trọng tâm. Thay vì đặt tổ chức Đoàn là chủ thể như nhiệm kỳ Đại hội XI, các chỉ tiêu trong nhiệm kỳ này được xây dựng đặt đoàn viên, thanh niên ở vị trí chủ thể của các hoạt động hoặc đối tượng được thụ hưởng.

Thứ tư, về ba nhiệm vụ đột phá:

Một là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn có bản lĩnh chính trị, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực, uy tín, tiên phong, gương mẫu; chú trọng rèn luyện, tu dưỡng, thực hành đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ đoàn; thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ.

Hai là, triển khai sâu rộng chương trình “Thanh niên khởi nghiệp”, nhất là khởi nghiệp sáng tạo. Trọng tâm là phát triển năng lực khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam trong và ngoài nước, tham gia kiến tạo môi trường hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp phát triển đất nước trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Ba là, nâng cao năng lực số nhằm hỗ trợ thanh thiếu niên có nhận thức, thái độ đúng đắn về chuyển đổi số; trang bị kiến thức, kỹ năng phục vụ giao tiếp xã hội, học tập, nghiên cứu, giải trí, làm việc, khởi nghiệp sáng tạo,... trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ trong tương lai, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Như vậy, lần đầu tiên, Đại hội đã đặt ra 3 nhiệm vụ đột phá xây dựng thể hệ thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có ý chí tự cường, tự hào dân tộc; có lý tưởng cách mạng, hoài bão, khát vọng vươn lên xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Bên cạnh đó, Nghị quyết Đại hội cũng nêu rõ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp để phát huy trí tuệ, sức trẻ của thanh niên qua 3 phong trào hành động cách mạng: Thanh niên tình nguyện; Tuổi trẻ sáng tạo; Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc và 3 chương trình đồng hành: Đồng hành với thanh niên trong học tập; Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp và Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hoá tinh thần.

Chi đoàn Trường Chính trị Ninh Thuận là Chi đoàn cơ sở thuộc Đoàn khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh, đồng thời chịu sự lãnh đạo của Đảng uỷ Trường Chính trị. Đến hết tháng 9/2023, Chi đoàn có 9 đoàn viên đang sinh hoạt, trong đó: 6/9 đoàn viên là đảng viên, chiếm tỷ lệ 66,67%; Ban Chấp hành gồm 03 đồng chí đều là đảng viên; 7/9 đoàn viên là nữ, chiếm tỷ lệ 77,78%, 2/9 đoàn viên là nam, chiếm tỷ lệ 23%. Đoàn viên thanh niên Chi đoàn luôn vững vàng về lập trường, tư tưởng, an tâm công tác, thường xuyên học tập và không ngừng nỗ lực rèn luyện bản thân, quán triệt sâu sắc những quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường, đoàn viên thanh niên Chi đoàn được tạo mọi điều kiện thuận lợi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị. Bên cạnh đó, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường còn tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian và kinh phí để Chi đoàn hoạt động có hiệu quả. Đoàn cấp trên thường xuyên có kế hoạch, hướng dẫn cụ thể, nhiều hình thức hoạt động phong phú, tạo sân chơi lành mạnh và môi trường trong sáng giúp các đơn vị có điều kiện giao lưu, từng bước xây dựng, duy trì và thắt chặt tình đoàn kết giữa các Chi đoàn với nhau.

Tóm lại, có thể khẳng định, Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022-2027 là nơi hội tụ đầy nhiệt huyết, tinh thần sáng tạo, ham học hỏi và khát vọng cháy bỏng; thanh niên Việt Nam đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu học tập, rèn luyện tu dưỡng, nâng cao trình độ tri thức, đạo đức cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp đổi mới, sáng tạo, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn thể Nhân dân giữ vững các thành quả cách mạng, thực hiện mục tiêu cao cả như lời phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Xây dựng Tổ quốc ta ngày càng hùng cường, đất nước ta ngày càng giàu mạnh; Nhân dân ta ngày càng hạnh phúc; dân tộc ta ngày càng vẻ vang, ngẩng cao đầu sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới”. ■

# THÔNG TIN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NINH THUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NĂM 2023

❖ Phan Thị Thanh Kiều

[Phó Trưởng phòng QLĐT&NCKH]

Theo Kế hoạch số 180-KH/TU ngày 11/01/2023 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Ninh Thuận về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023, Ban Thường vụ tỉnh ủy giao cho Trường Chính trị Ninh Thuận thực hiện 28 lớp với số lượng 1.908 học viên, gồm:

- *Lớp năm 2022 chuyển sang: 06 lớp, với 307 học viên:*

+ 04 lớp Trung cấp Lý luận chính trị, số lượng 253 học viên;

+ 02 lớp Bồi dưỡng, số lượng 54 học viên;

- *Lớp mở mới trong kế hoạch năm 2023: 22 lớp, với 1.601 học viên:*

+ 06 lớp Trung cấp Lý luận chính trị, số lượng 420 học viên;

+ 16 lớp Bồi dưỡng với 1.181 học viên;

## 1. Kết quả Đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện ý kiến chỉ đạo nêu trên của Thường trực Tỉnh ủy, từ tháng 01/2023 đến ngày 31/12/2023, Trường Chính trị đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng với kết quả như sau:

- Các lớp năm 2022 chuyển sang: 06 lớp với 307 học viên.

- Các lớp mở mới: 22 lớp với 1.601 học viên, trong đó:

+ Các Lớp Trung cấp Lý luận Chính trị: 06/06 lớp đạt tỷ lệ 100%, với 405/420 học viên đạt tỷ lệ 96,42% so với kế hoạch được giao;

+ Các Lớp Bồi dưỡng thực hiện: 21 lớp, với 1.418 học viên.

+ Giờ giảng của giảng viên: Năm 2023 trường có 22 giảng viên và giảng viên kiêm chức, đã thực hiện được: 8.697,83/3.718,1 giờ giảng được giao, vượt 233,93%.

Trường đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng với kết quả 33/33 lớp đạt 100%, với 2.208/2.378 học viên đạt 92,85% kế hoạch được giao. Bên cạnh đó, Trường tiếp tục tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng và các lớp theo Chương trình mục tiêu quốc gia với 06 lớp/243 học viên.

Như vậy, năm 2023 Trường đã tổ chức thực hiện với 39/33 lớp đạt 118,18%, với 2.451/2.378 học viên đạt 103,07%, (So với kế hoạch 180-KH/TU)

## 2. Kết quả hoạt động khoa học

+ Thao giảng, dự giờ cấp Khoa: 18 giảng viên và giảng viên kiêm chức tham gia, kết quả 03 giảng viên đạt loại Giỏi, 15 giảng viên đạt loại Khá.

+ Thi Giảng viên dạy giỏi cấp trường: 03 giảng viên tham gia, kết quả 03 giảng viên đạt loại Giỏi.

+ Thi Giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lần thứ VIII - Năm 2023: Trường cử 02 giảng viên tham gia hội thi, kết quả 02 giảng viên đạt loại Giỏi.

+ Giờ nghiên cứu khoa học: Đã thực hiện 10.915/4.227 giờ, vượt 258,22% giờ được giao.

+ Giờ nghiên cứu thực tế: Đã thực hiện 3.216/2.400 giờ, vượt 134% giờ được giao.

+ Đề tài Khoa học cấp trường: đã nghiệm thu 03 đề tài khoa học cấp trường, với chủ đề: (1) “*Phát triển Hợp tác xã trên địa bàn huyện Ninh Phước*”, do ThS. Trần Thu Hương, Giảng viên của Khoa Lý luận cơ sở làm chủ nhiệm; (2) “*Hoạt động hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp của Thành đoàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm*”, do CN.Nguyễn Thị Lành, Giảng viên của khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể làm chủ nhiệm; (3) “*Nâng cao hiệu quả Nghiên cứu thực tế của giảng viên Trường Chính trị Ninh Thuận*”, do ThS. Phạm Hưng Long, Giảng viên khoa Nhà nước-Pháp luật làm chủ nhiệm. Nghiệm thu đề tài với kết quả là 03 đề tài được xếp loại Đạt yêu cầu.

**- Hội thảo khoa học cấp trường:**

Trường phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức 01 Tọa đàm khoa học với chủ đề “*Kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023)*”, có 32 bài tham luận, trong đó có 01 đề dẫn, 1 kết luận và 64 đại biểu tham dự.

**- Hội thảo khoa học cấp Bộ:**

Trường phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức 01 hội thảo khoa học với chủ đề “*25 năm công tác bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giáo viên ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận - thực tiễn và kinh nghiệm (1999-2023)*” có 32 bài tham luận, trong đó có 01 bài phát biểu của Thường trực tỉnh ủy, 01 đề dẫn, 1 kết luận và 64 đại biểu tham dự.

**- Hội thảo khoa học cấp Tỉnh:**

Trường phối hợp với Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 01 hội thảo khoa học với chủ đề “*Vai trò của Trường chính trị trong tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách tại địa phương*” có 54 bài tham luận, trong đó có 01 bài phát biểu của Thường trực tỉnh ủy, 01 đề dẫn, 1 kết luận và 74 đại biểu tham dự.

+ Hội thảo khoa học cấp Khoa: Khoa Lý luận cơ sở; Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể; Khoa Nhà nước-Pháp luật đã tổ chức hội thảo với tổng số bài viết của 03 khoa 50 bài tham luận.

+ Đề tài sáng kiến, giải pháp cấp cơ sở: có 07 sáng kiến, giải pháp của 07 tác giả trong lĩnh vực giảng dạy và quản lý.

+ Viết bài Chính luận: Thực hiện Kế hoạch số 22-KH/TCT ngày 17/2/2023 của Hiệu trưởng, Trường Chính trị Ninh Thuận về việc Tổ chức thực hiện cuộc thi viết chính luận khoa học do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Tổ chức. Đội ngũ viên chức Trường đã tham gia với tổng số 18 bài viết chính luận (trong đó có 07 bài đăng trên tạp chí khoa học, 09 bài đăng trên báo điện tử và 02 bài đăng trên báo in).

+ Thông tin tư liệu: Xuất bản lưu hành nội bộ 03 Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Trường, Bộ, Tỉnh và 03 bản Thông tin Lý luận và Thực tiễn số 13, 14 và số 15; Ấn phẩm “*Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận 30 năm xây dựng và phát triển (1992-2022)*”; Xuất bản tập sách “*Lịch sử Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2003-2020*”; Có 30 bài và 39 tin đăng trên trang Website của Trường. ■

(Nguồn báo cáo Trường Chính trị Ninh Thuận)